TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Nhìn qua sử-giới Trung-hoa — *Hoa-Bằng*
* Phê-bình quyển « Lược khảo Việt-ngữ » — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (LIV) — *Ứng-Hòe*
* Sáu phép dịch thơ — *Tùng-Vân*
* Khoa thi hương năm Tân-mão (II) — *Tiên-Đàm*
* Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển (VIII) — *Đào-trọng-Đủ*
* Hải-đảo La Réunion (thời-đàm) — *Nhật-Nham*
* Một danh-sĩ xưa chia hồi truyện Kiều... (Hết) — *Song-Cối*
* Những ông nghè triều Lê (XLVIII) — *Ứng-Hòe*
* Đền Kiếp-bạc — *Nguyễn-duy-Tinh*
* Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện » (XIII) — *Thọ-Xuân*
* Tùy hứng — *Bà Mộng-Sơn — Minh-Tuyền*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, VI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

TỦ SÁCH GIA-ĐÌNH
Vũ Đình Tuấn
52, Trương-tấn-Bửu — PHÚ-NHUẬN

Năm thứ bảy — Số 79
Thứ năm, 7 Janvier 1943

0 $ 20

VẤN-ĐỀ SỬ-HỌC

NHÌN QUA SỬ'-GIỚ'I TRUNG-HOA

HOA-BẰNG

NƯỚC Tàu, từ đời Hoàng-đế (2697 tr. Tây lịch) đã bắt đầu có chức sử-quan. Thượng-Hiệt và Thư-Tụng là hai vị sử-quan ở đời đó.

Sử-quan của Tàu là một chức quan giữ việc ghi-chép. Đời xưa lại chia làm tả-sử và hữu sử. Tả-sử chép lời nói, hữu-sử chép việc làm, họ có bổn phận phải chép thẳng điều thiện, điều ác, phần công, phần lỗi của vua tôi ở đương triều để treo tấm gương khuyên răn cho đời sau.

Về sau, chức thái-sử lại giữ cả những việc như đồ, tịch, lịch, tượng và chiêm-nghiệm.

***

Những nhân-vật trong sử-giới ở các triều-đại Trung-hoa còn lưu lại cái tên cho đời sau biết là:

Nhà Hạ (2224-1767 tr. T. L.) có thái-sử là Chung-Cồ;

Nhà Ân (1766-1121 tr. T. L.) có thái-sử là Hướng-Chí;

Nhà Chu (1122-249 tr. T. L.) có thái-sử Bá-Dương thái-sử Thiềm.

Đến đời Xuân-thu, các nước chư-hầu thường có chức thái-sử, như Hoa-Long-Hoạt là thái-sử nước Vệ; Đồng-Hồ là sử-thần nước Tấn đã từng can-đảm thẳng-thắn chép việc Triệu-Thuẫn giết vua; hai anh em thái-sử nước Tề đều bị giết vì cương trực dám chép cái tội của Thôi-Trữ; Ỷ-Tướng là tả-sử nước Sở, đọc được Tam-phần Ngũ-điển, Bát sắc, Cửu-khâu.

Khổng-tử cũng là một cây sử bút ở đời Xuân-thu vì ngài đã nhân Lỗ-sử làm ra kinh *Xuân-thu*. Sau, Tả-Khâu-Minh rộng nhặt sử-liệu các nước chư hầu bấy giờ, làm ra sách *Tả-truyện* và *Quốc-ngữ*, để nối cái ý soạn-thuật của tả-sử và hữu-sử ngày xưa.

Đến Hán (206 tr. T. L. — 220 s. T. L.) có Tư-mã Thiên là một sử-gia trứ danh (bài sau tôi sẽ giới-thiệu riêng Tư-mã Thiên và bộ Sử-ký của Thiên với các bạn).

Tống (960—1127) có Tư-mã Quang và Chu-Hi cũng là những nhà làm sử.

***

Từ Tam-đại (Hạ, Thương, Chu) trở xuống, đại khái có những sách sau này thuộc loại sử-ký:

Hạ-huấn tức là bộ *Xuân-thu* của hai đời Hạ, Ân.

Kinh *Thư* là bộ sử do chức hữu-sử ba đời Hạ, Thương, Chu ghi-chép, đánh dấu những nét thăng, giáng, trị, loạn của các đời đế, vương.

Đến đời Xuân-thu, nhiều nước chư-hầu cũng có sử-ký để chép công việc của nước mình:

Thặng là sử nước Tấn; *Đào ngột* là sử nước Sở; *Xuân thu* là sử nước Lỗ mà người sửa định lại, ấy là Khổng tử.

Bộ *Thế bản* gồm 15 thiên, trong chép lịch sử các vị đế, vương, công, khanh và đại phu từ đời Hoàng đế đến đời Xuân thu, nhưng thất truyền rồi.

Sở Hán Xuân-thu do Lục-Giả đời Hán soạn, gồm 9 thiên, trong chép công việc đã xảy ra giữa Sở và Hán. Sách này nay cũng không còn.

Còn *Sử ký* của Tư-mã Thiên là bộ sử có giá trị nhất của Tàu, tôi sẽ nói riêng ở bài khác.

Tư trị thông giám là bộ sử đời Tống do Tư mã Quang soạn Nguyên, khoảng niên hiệu Trị bình (1064-1067), Quang vâng chỉ chỉ nhà vua, chép việc từ đầu Chiến quốc đến lớp Ngũ đại cộng 1362 năm, gồm thành 294 quyển nội dung thuật rõ sự tích của vua tôi các triều đại, tài liệu rất giàu thể tài rất rộng, và ý tứ rất tinh.

Bộ sử này phải làm hàng 17 năm mới xong. Cộng-tác với Quang, có những nhà thông nho ở đương thời như Phạm Tô-Võ và Lưu-Thứ (đến đời Nguyên, Hồ-Tam-Tỉnh đứng chú giải bộ sử này).

Thông-giám ngoại-kỷ, do Lưu-Thứ đời Tống soạn, đồng thời với bộ sử của Tư-mã Quang, trong thuật công-việc từ đời Phục-Hi đến đời Chu.

Thông-giám cương-mục do Chu-Hi đời Tống nhân bộ Thông-giám của Tư-mã-Quang mà làm ra cương-mục. Phỏng theo lối chép của kinh Xuân thu sách này lấy cương làm kinh

lấy mục làm truyện. Rồi Chu-Hi trao cho môn-nhân là Triện-Sư-Uyên làm một cho trọn sách, gom 59 quyển. Về sau, Lý-Tường đời Kim lại làm *tiền-biên;* Thương-Lạc đời Minh làm *tục hậu biên.* Ta thường kêu tắt là sách *Cương-mục.* Bộ khâm định Việt-sử của Quốc-sử-quan ta chịu ảnh-hưởng rất nhiều của sách này.

Tấn thư. — Giữa niên-hiệu Trinh-quán (627-649), vua Đường sai bọn Phòng-Kiều và Chử-tuỳ-Lương nhân bộ Tấn sử của bọn Hà-pháp-Thịnh trước mà soạn lại. Có 21 người dự làm việc này. (Chính vua Đường Thái-Tông tự làm chỗ *Tuyên-kỷ võ* và viết lời bàn chỗ truyện Lục Cơ và truyện Vương-Hi-chi). Trong sách chia làm 10 *kỷ*, 20 *chí* và 70 *liệt truyện.*

Cựu Đường thư. — Gồm 200 quyển, bọn Triệu-Oánh, Trương chiêu Viễn, Giả Vĩ và Triệu-Hi đời Thạch-Tấn đứng soạn. Vì sách có vẻ nông-cạn thấp-kém, nên bị vua Tống-Nhân-Tông chê.

Tân Đường thư. — Do vua Tống-Nhân-Tông sai hơn thân nhân bộ *Đường thư* cũ mà trùng tu lại, Âu dương Tu soạn *bản-kỷ* và *biểu chí*; Tông Kỳ soạn *liệt truyện.* Tất cả có 225 quyển.

Nguyên-sử, do bọn Tống-Liêm đời Minh soạn ra, gom 210 quyển. Bộ sử này là sách làm mau xong hơn hết trong các bộ sử Tàu, vì chưa đầy một năm đã làm xong. Nhưng vì sử gia đi gấp như thế, nên không khỏi có những lỗi sơ suất và khuyết lược, mà tự trung lại có làm chỗ sai lầm.

***

Nhà Thanh vào đế Trung quốc, dùng chính sách « hoài nhu », to ý rất sùng văn, trọng học. Văn trị dưới triều Thanh có vẻ khả quan lắm. Vì vậy, ngoài loại sách về « khảo chứng học » là một đặc sắc của đời Thanh ra, đương thời lại còn có nhiều tác phẩm thuộc loại sử ký nữa.

Minh sử, gồm 336 quyển. Từ năm Khang hi XVII (1678), vua Thanh sai những bầy tôi học rộng, văn hay, chia nhau biên soạn: Trương Ngọc Thư làm phần *chí thư*; Trần đình Kính giữ phần *bản kỷ;* Vương hồng Tư gánh vác phần *liệt truyện.* Lớp làm này là bản cảo *Minh sử.* Qua năm Ung chính thứ nhất, Trương Đình Ngọc làm tổng tài, nhân bản cảo cũ nói trên mà sửa sang thêm bớt, xếp đặt chỉnh tề; đến năm Càn long thứ IV (1739) thì in xong. Thế là trước sau những 60 năm mới xong sách.

Tục Tư trị thông giám, do Tất Nguyên phong theo lối lệ chép *Tư trị thông giám* của Tư mã Quang mà làm ra, trong chép từ đời Tống đến đời Nguyên.

Tục văn hiến thông khảo, là sách chép sự tích năm triều đại Tống, Liêu, Kim, Nguyên và Minh, do vua Càn long năm thứ XII (1747) xuống sắc sai soạn.

***

Trên đây tôi đã phác ra mấy nét đơn-sơ về sử giới Trung hoa từ xưa đến đời Thanh để các bạn thấy qua quang-cảnh trong địa hạt sử-ký Tàu rồi.

Quan-niệm về sử-học của người Tàu trước kia đại-khái cũng giống của người Nam mình. Họ coi lịch-sử có cái tính-cách dùng để dạy đời. Họ dùng lịch sử làm bản tuyên-cáo khen hay, chê dở, mượn ngòi bút sử làm mũ triều thiên để thưởng cho bọn trung thần hiếu tử, hoặc lại dùng làm búa rìu để trừng trị những kẻ tặc-tử loạn thần.

Rất đỗi lắm kẻ lại hiểu lầm thể-tài làm sử, nên đã đi vào con đường sai lạc rất đáng tiếc, chẳng hạn như bộ *Tấn-thư,* có xem lẫn cả những điều lạ-kỳ quỉ-quái để tỏ ra nhà chép sử đã từng thấy rộng nghe nhiều; trong văn lại hay viết lối biền ngẫu đối nhau để phô tài chạm-trổ khéo-léo!

Từ khi Trung-hoa Dân-quốc thành-lập (1912), sử-giới Tàu chịu ảnh-hưởng của tân-học, cũng đã cải-cách tệ cũ đi nhiều, nên gần đây chúng ta đã thấy ít nhiều tác-phẩm về loại sử-ký do mấy nhà văn hiện đại Trung-hoa viết ra đã có phương pháp khoa học.

HÓA-BÌNH

HỘP THƯ

Ô. DƯƠNG KỲ, Huế. — đã nhận được bài H. C. X. O. L..., sẽ sửa lại những chỗ ngài dặn.

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

THƯ-xã De Rhodes (Editions Alexandre de Rhodes) mới xuất-bản một quyển sách tên là *Lược-khảo Việt-ngữ*, in giấy khổ nhỏ, dày 90 trang. Nguyên-văn quyển này do ông Lê-văn-Nựu soạn bằng chữ Pháp, đề là *Essai sur l'évolution de la langue annamite* (Editions du Cercle de Qui-nhơn, 1941,) được giải thưởng của báo *Patrie annamite* năm 1935. Nay ông Lê-van-Nựu sửa lại, dịch ra quốc-văn, lời lẽ rõ-ràng lưu-loát, xem rất bổ-ích.

Hai bài trên nói về tiếng Việt-Nam đời xưa và đời nay, còn những bài dưới xét về phương-pháp làm giàu thêm tiếng, vấn-đề xửa-đổi chữ quốc-ngữ, dùng chữ quốc-ngữ cho đúng v.v. Ông Lê-van-Nựu nói một câu rất xác-đáng, là « tinh-thần tiếng ta có lẽ là ở những đặc-tính trong-sáng, nhẹ-nhàng và ở sự hòa-hợp thanh-âm, tức là âm-nhạc tự-nhiên trong tiếng nói. Không gì làm cho ta khoan-khoái bằng khi đọc một câu văn, hay nghe một lời nói có tính-chất hoàn-toàn Việt-Nam » (trang 69.)

Trong khi bàn các vấn-đề Việt-ngữ, ông Lê-van-Nựu có bàn cả đến van-học nước nhà. Một quyển lược-khảo mà nói được đủ như thế, thật là đáng khen. Tôi muốn bàn góp với tác-giả những câu sau này :

I. — Trang 16, tác-giả nói rằng : « ngày nay tiếng nói của ta hầu hết phần nửa là lai Tàu, và một số ít hơn gồm những tiếng mượn của các dân Thái, Thổ, Muờng, Bahnars, Polynésiens, không kể tiếng Pháp và ít nhiều tiếng ngoại-quốc mới nhập-tịch gần đây. »

Tôi dám chắc rằng không đến một nửa lai Tàu, vì tôi đã đếm trong quyển *Việt-Nam tự-điển* của Hội Khai-trí tiến-đức, thì thấy có 13.276 tiếng ta và 3.443 chữ nho, thế là chỉ có độ một phần tư chữ nho, chứ không phải một nửa. Vẫn hay rằng quyển tự-điển của Hội Khai-trí không được đủ cho lắm, mà tôi lại chỉ tính có chữ cái thôi, không đếm những kép là chữ thuộc về từ-điển, và có một ít chữ, như chữ *cờ* do chữ *kỳ* mà ra, chữ *cuộc* do chữ *cục* mà ra, chữ *vần* do chữ *vận* mà ra, nhưng chữ đó dẫu có cho là chữ nho chăng nữa, cũng không thể thêm số lên đến một nửa. Như thế văn ta mà nhiều chữ nho là tại những người làm van, chứ không phải tiếng ta nghèo.

II. — Trang 75, ông Lê-văn-Nựu nói rằng : « Lối ca-dao và những biến-thể của nó, ấy là thơ lục-bát, song thất lục-bát, hát ả-đào, hát xẩm, v. v..., là hoàn toàn của dân Việt-Nam sáng-tạo ra ». Có lẽ cái ý-kiến ấy không đúng, vì trong bài tựa quyển *Tỳ-bà quốc-âm* (bản sao của Trường Bác-cổ, số AB 133) cụ bảng Kiều-oánh-Mậu có nói rằng : « Thơ quốc-âm của ta bắt đầu từ cụ Hàn Thuyên đời Trần, về sau bắt chước làm ra ca, làm ra truyện, cũng là một lối thơ ấy cả. Các bậc tiên-hiền cho lối ca của ta chính bắt chước những câu thành-cú trong Kinh truyện của Tàu, như trong *Kinh Dịch* có câu : « Lục tam, hàm chương khả *trinh*, Hoặc tòng vương-sự vô *thành* hữu chung ». Chính lối văn lục-bát của ta bắt-chước ở đó. »

Nhưng thỉnh-thoảng kinh truyện của Tàu mới có những câu như thế, chứ không có quyển truyện nào, từ đầu đến cuối, đặt một lối như truyện *Kiều* của ta : vậy lối thượng lục hạ bát có thể gọi là lối riêng của ta, nhưng không thể nói « là hoàn-toàn của dân Việt-Nam sáng-tạo ra ».

Còn lối ca-dao của ta, các bậc tiền-bối thường gọi là « Kinh Thi Việt-Nam » : hiện nay ở Trường Bác-cổ có đến bốn năm quyển, quyển thì lấy câu ca-dao dịch và chua nghĩa chữ nho, như quyển *Quốc-phong-thi diễn ca* của Hy-Lượng (sách viết số A B 335) hay quyển *Nam-phong giải trào* của Trần Liễu-am và Ngô Hạo-phu (sách in số A B 348), quyển thì lấy câu ca-dao làm bài cái và dẫn điển-tích bằng chữ nho, như quyển *Việt-Nam phong-sử* của Nguyễn-văn-Mại, phó-bảng (sách viết số A B 320), v. v. Như thế thì lối ca-dao của ta là lối bắt-chước *Kinh Thi* của Tàu.

III. — Trang 25, ông Lê-van-Nựu nói rằng : « Đến đời Tây-sơn và đầu triều Gia-Long (1802-1820) chữ nôm được dùng để thảo các dụ và chỉ, cùng thơ từ bẩm-báo về việc công ». Có lẽ in lầm một con số sau chữ Gia-long.

Vua Gia-long lên làm vua ngày mồng một tháng sáu tây năm 1802 và băng-hà ngày mồng 3 tháng hai tây năm 1820. Thế thì không gọi năm 1802—1820 là đầu triều Gia-long được. Chính vua Gia-long cho dùng chữ nôm khi hãy còn làm chúa Nguyễn ; vậy phải biên là năm 1778 đến năm 1802 hay 1810.

IV. — Trang 51, ông Lê-văn-Nựu nói rằng : « có nhiều chữ

ngày nay chúng ta không hiểu rõ nghĩa gốc của nó, nhưng vẫn còn sót lại trong tiếng nói hằng ngày: như chữ kẹn trong câu: già kén kẹn hom? hay chữ nam và chữ chiêu trong câu: chân nam đá chân chiêu. »

Tôi tưởng những chữ ấy nghĩa như thế này: câu già kén kẹn hom, cắt nghĩa từng chữ, thì già là già trẻ, kén là tàm kén, kẹn là sát, không róc, hom là cây hom có dâu cho tằm ăn: cả bốn chữ đều thuộc về tàm kén và dâu, và nghĩa đen là kén để già thì hom cũng kẹn, ý cũng như già néo đứt dây. Còn câu chân nam đá chân chiêu, nói người đi loạng-choạng, chân nọ chạm chân kia, thì nam là chân phải, chiêu là chân trái, do chữ « tả chiêu, hữu mục », nghĩa là bên tả miếu chiêu, bên hữu miếu mục, chiêu với mục là nhà thờ của vua và các quan.

V. — Trang 52, ông Lê-văn-Nựu nói rằng: « chúng ta lại nên chú-ý đến loại tiếng đôi, là một đặc-sắc của tiếng ta » và ông nói thí-dụ chữ giàu-có, buồn-tình, say-sưa, xa-xôi, thờ-ơ v. v.

Trong những loại tiếng ấy, có một loại tôi tưởng cũng nên thêm vào, là loại có một tiếng là nghĩa của ta, và một tiếng là chữ Tàu, để dùng vào những thứ có đặc-biệt hơn, như trắng-bạch là trắng hơn thường, đỏ hồng là đỏ hơn thường, một tràng dài, v. v. Từ ngày tiếp-xúc với người Pháp và người Au-Mỹ, lại có tiếng như trắng bôp, do chữ *propre* mà ra, v. v.

Vẫn biết rằng làm khi nghe như thừa, nhưng đó lại là một vấn đề khác, đây tôi chỉ kể qua một vài quyển nói về ngôn-ngữ-học để độc-giả lấy đấy mà xem: J. Vendryes, *Le langage, introduction linguistique à l'histoire* (Bibliothèque de synthèse historique: L'évolution de l'humanité); A. Meillet, *Linguistique historique et linguistique générale* (Collection linguistique); F. de Saussure, *Cours de linguistique générale*; *Encyclopédie française*, I, *L'outillage mental*: pensée, langage; A. Hovelacque, *La linguistique*, histoire naturelle du langage; A. Dauzat, *La philosophie du langage*; Darmesteter, *La vie des mots*, étudiée dans leurs significations; *Les langues du monde* (Collection linguistique).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bổn-phận người có học là giúp Hội Truyền Bá Quốc-Ngữ nâng đỡ đồng-bào thất-học.

CÙNG CÁC NHÀ ĐẠI LÝ

Về số Xuân 1943 (Quí Mùi) vì chúng tôi in có hạn nên chúng tôi mong các đại lý gửi thơ về *lấy đủ số bán*. Những số báo còn, chúng tôi không nhận trả lại. Vậy các đại lý nên lưu ý mà gửi thơ về ngay cho biết.

Sách mới

TRIẾT HỌC **NIETZSCHE**
của **Nguyễn đình Thi** giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Một luồng mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành

TRIẾT HỌC KANT
156 trang — giá 1 $ 50
VÀNG SAO *của Chế lan Viên trong « Tủ sách đẹp » giá 2 $ 50*
Nhà xuất bản **VĂN VIỆT**
49, Takou — Hanoi

Cùng chung trong Đại-Đông-Á, người Annam đều đọc:

" TÂN Á "

« **TÂN A** » số 4 sẽ hé giở cho các bạn trông thấy những gì mà trong thâm tâm các bạn hằng mong mỏi bấy lâu

Thơ và mandat xin đề:

Maison ASAU
72, Rue Chaigneau Saigon
Téléphone N° 21.755
Adr. télég. AULEVANT - Saigon

Đã có bán

Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ

In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2 $ 00
Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM
12, rue Sabourain phát hành
Hãy đến *Pavillon Information Presse* xem *« nước Việt Nam cổ »* qua tài liệu của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bày

SÁU PHÉP DỊCH THƠ

(Đặc-trích trong tập Nam-đàn bát-châu)

Tùng-vân NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Lời phủ đầu

THƠ là một cách kính-hoa thủy-nguyệt, tinh-diệu khôn cùng. Làm thơ phải có công-phu, có học-thuật, huống chi dịch thơ. Kẻ thì nói rằng làm thơ khó, kẻ thì nói rằng dịch thơ khó, hai thuyết ấy đều là thiên-kiến cả. Tóm lại thì làm thơ có cái khó của chốn làm thơ, dịch thơ có cái khó của chốn dịch thơ. nghĩa là các hữu sở nan. Nên chi thơ làm với thơ dịch ở trong văn-giới, chế-phẩm giá-trị thực có ngang nhau, không thể chia ra khó dễ hơn kém được. Nếu chia ra khó dễ hơn kém, thì thi-gia chửa dám thừa-nhận vậy. Nay nhân kinh-nghiệm khảo-cứu thành được sáu phép thuộc về cách dịch thơ, lược kể như sau :

Sáu phép dịch thơ

1·) — *Ý-chỉ:* Phàm dịch thơ, nghĩa riêng và điển-tích của thơ nguyên tác đã hiểu rồi, phải bắt đầu cầu ngay ý-chỉ. Một là ý-chỉ của toàn thể bài thơ. Hai là ý-chỉ của trong một câu thơ. (Phàm thơ, nói một câu tức là hai câu, lãm-giả nên hiểu). Có chỗ ý-chỉ rõ-ràng, cũng có chỗ ý-chỉ siêu-diệu sâu-xa; dù sao cũng phải cầu lấy chân-tướng chân-đích. Nếu chẳng thế, thì thơ nguyên-tác nói đi một đàng dịch-giả lại lẳng đi một nẻo, tức là cái lối dịch sai. - Dịch-giả thường nhiều khi không tự biết. Long le, lại có một chốn bất đắc-dĩ nữa là trong câu thơ nguyên-tác, hoặc lời hay mà ý tục thì chỉ nên theo lời mà không nên dịch rõ ý; hoặc ý hay mà lời tục thì chỉ nên theo ý mà chuốt lại lời cho khỏi tục. Duy chốn đó họa là mới xẩy ra khéo lắm trong một tập chí có năm ba câu mà thôi. Kẻ mới học dịch thơ chớ nên vin về lệ ấy.

2·) *Cảnh-giới.* — « Cảnh » và « giới » đều nghĩa là « cõi », tức là cái bầu không gian của trường sở-ngộ. Phàm dịch câu thơ của cổ-nhân, tất phải đặt mình vào cải cảnh-giới của câu thơ ấy, mới có thể dịch được câu ấy cho hay. Thí dụ: dịch câu thơ điền-nhã tinh-công thì tự mình cũng lộ vẻ nho-nhã nghiêm-trang, dịch câu thơ thanh không nhàn-viễn thì tự mình cũng tỏ ý siêu vật học đạo; dịch câu thơ khẳng khái bi-ca thì tự mình cũng lộ thánh-thót, ruột bồi hồi, dịch câu thơ hảo-dật phong-lưu thì tự mình cũng miệng muốn cười rượu muốn rót.

3.) *Tài-liệu* — Phàm dịch thơ nước ngoài, tài hiệu Quốc-âm phải sẵn-sàng, điều đó đã đành. Duy Quốc-âm ta thì Hán-tự nhập-tịch rất nhiều, cõi thơ lại càng nhiều lắm! Mà những chữ thuộc về cốt-cách tinh-thần, lại phần nhiều là Hán-tự; như là *Làn thu-thủy, nét xuân-sơn, bóng tịch-dương, hồn thu thảo, sân ngọc-bội phường kim-môn, thu cúc, xuân tan, cầm tàm, tú khau »* chàng hạn. Thi-gia với những tài-liệu nhập-tịch ấy, tha-hồ mà dùng, không bạn-chế nào. Duy phải dùng một cách tuần-nhã khôn-khéo, khiến tài-liệu Quốc-âm càng thêm phong-phú, áng làu-đài Quốc-âm càng thêm rực-rỡ nghiêm-trang.

Cái công ấy đối với Quốc-âm không phải là nhỏ.

Lại còn mọi lẽ nữa là dịch-giả đối với thơ nguyên-tác, có chỗ tài-liệu thiên-nhiên không phải thêm bớt lời gì mấy. Cũng có chỗ phải thêm lời vào cho hợp ý, hợp-cách, (nên thêm sẽ thêm); lại có chỗ phải bớt lời đi cho xinh lời, gọn lời (nên bớt sẽ bớt). Cũng có chỗ thuận lời mà dịch, lại có chỗ phải đảo lời lên-xuống mà dịch. Cũng có chỗ dịch lấy bản-sắc, lại có chỗ dịch lấy hư thần. Dịch-giả tuy có tài-liệu sẵn-sàng, song khi dùng vốn không nhất định.

4.) *Từ-tảo* — Tức là lời thơ, giọng thơ. Thi-gia quí tu-tảo, vì giống thơ là giống từ-tảo, không từ-tảo không chuốt nên thơ. Phàm thơ của nguyên-tác tất-nhiên vốn có một thứ từ-tảo phun châu, nhả

Thống chế Pétain đã nói :

Nếu ta có phải hy vọng thì mối hy vọng ở trong lòng ta. Hy vọng chỉ có ở thân ta, ở lòng yêu đất cũ, ở chí muốn sinh tồn, ở nghĩa đồng bào nó ràng buộc mọi người phải đồng tâm hiệp lực.

ngọc, mỹ-lệ phi-thường; dịch-giả tất-nhiên cũng phải có một thứ Quốc-âm từ-tảo khá dồi-dào, đủ chi-phối với nguyên-tác, mới có thể nói được sự dịch thơ dễ-dàng. Nếu chẳng thế, thì thi-gia đã lâm về cảnh lúng-túng ngặt-nghèo, nghĩa là từ bất đạt ý,

Muốn được từ-tảo dồi-dào thì chẳng gì bằng thơ văn Quốc-âm cổ, nhất là hát nói cổ, thơ, phú cổ, Kim Vân Kiều, phong dao mà còn nữa, thưởng thức cho rộng, tuyển-trạch cho tinh, thuộc lòng cho nhiều, thì tức là nguồn từ-tảo ở đó chảy ra nguyên-nguyên bất kiệt vậy. (Thuộc văn cổ là một sự kinh-nghiệm tối cần-thiết về cuộc tiến-hóa trong cõi thơ).

5. *Hư-thần.* — Tức là cái không khí của câu thơ lưu-lộ linh hoạt. Thơ có hay thì cái hư-thần mới phát-hiện. Hư-thần tức là nghĩa « kinh hoa, thủy nguyệt » và là nghĩa « thị sắc, thị không. » Cho nên dịch thơ cốt nhất là phải nhận thấy được cái hư-thần của câu thơ nguyên tác mà dung hợp lấy, bao-quát lấy, điểm hóa lấy. Tối-kỵ câu-nệ nghĩa đen, đếm-sỉa nghĩa đen; nếu như vậy thì đã đem thơ vào cõi trướng-ngại bất-thành thơ vậy. Tuy nhiên, nhà phiên dịch giản-hoặc cũng có cái bệnh là vin lệ hư-thần, làm mất bản-sắc; dịch-giả nên biết. (Điều này nên tham-khảo với điều thứ 3, mục *Tài-liệu*, đoạn sau cùng, nói về mọi lẽ phiên-dịch ở trên).

Đầu tháng Janvier có bán:

THI NHÂN VIỆT NAM

(1932 1941)

của

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

Hơn 400 trang gần 40 bức ảnh

Giá bán

Loại thường 4 $. Loại bouffant 7$

Loại vergé baroque crème 20 $

(Gửi thêm 0 $ 50 tiền cước)

Ban nào mua 5 quyển trở lên sẽ được trừ 20 %. như các hàng sách

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN

xuất bản

Boite postale 34 Huế

6. *Cách-điệu.* — Phàm thơ của các dân-tộc đã có văn-minh, dân-tộc nào cũng có một thứ thiên-nhiên cách điệu, thiêng liêng, chân chính, hoàn-toàn, tuyệt kỳ, tuyệt diệu riêng của dân-tộc ấy, cho nên nhà thơ phải phụng thờ cách-điệu Quốc-âm. Nay nói sự dịch thơ thì thơ của nguyên-tác vốn là phần khách phần thâu-thái, cách-điệu của Quốc-âm vốn là phần chủ, phần chế tác-phẩm thâu thái bao giờ cũng phải chịu ảnh hưởng của khuôn chế tác. Thơ dịch sở dĩ có giá trị vì thế. Tựu trung nhà dịch thơ phải luyện tập lấy một ngọn bút tài tình khôn khéo như ngọn bút thiên nhiên điểm hóa, thơ dịch ra mà không còn ngấn vết gì là thơ dịch, khiến cho người xem khi mới xem tưởng là thơ làm, chứa mấy ai đã biết là thơ dịch. Nhã nghiệp dịch thơ ngõ hầu thành công, học thuật dịch thơ ngõ hầu tiến bộ vậy.

(Những lời lạm bút kể trên là thuộc về phép chung của thi gia, cho nên lời lẽ phải đường hoàng nghiêm ngặt, không phải là lời đàm thoại. Xin lãm giả hiểu cho ý ấy).

TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Số xuân Tri-Tân 1943 (Quý-mùi)

là một tác-phẩm có tính-cách vĩnh-viễn hơn là một món tiêu-khiển trong nhất thời.

Số xuân Tri-Tân

là một số đặc-san có nhiều tài-liệu rất quý về văn-học và sử-học. Phần nhiều thơ văn chữ hán đều có in cả chữ nho để bạn đọc dễ đối chiếu. Khuôn khổ lại giữ bằng cỡ những số thường để tiện đóng lại thành tập.

Số xuân Tri-Tân

là một công-trình cộng-tác của những học-giả, văn-gia đứng-đắn và những nhà mỹ-thuật có danh, đáng dự bày trong phòng khách của các gia-đình một khi xuân đến.

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 54

Ông-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

KIM VÂN KIỀU (*bài nối*)

Trước lầu Ngưng-bích khóa xuân,
Vẻ non xa, tấm trăng gần, ở chung.
Bốn bề bát ngát vời trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.

Các bản chép là « *Vượt* non xa », « bát ngát *xa* trông ». Quyển *Kim Vân Kiều truyện chú*, sách viết của Trường Bác-cổ, số A B 233, tờ 75 a, chép rằng : « Lúc bấy giờ Tú-bà đem Thúy-Kiều đến ở trên lầu Ngưng-bích. Lầu này bên đông trông ra bể khơi, phía bắc trông về kinh-kỳ, phía nam trông về Kim-lang, phía tây trông về Kỳ-sơn. Kiều trông cảnh buồn-rầu, nhớ đến khi xưa cùng Kim-Trọng thề nguyền, mà nay vắng-vẻ lạnh-lùng, không biết hỏi ai, mới đề mười câu *Bất hài* để ghi nhớ sự bi-thương. Mười câu ấy nguyên văn chữ Hán như sau này :

« Nhất bất hài, nhất bất hài, minh ngôn vị tận, cá phi lai ! — Nhị bất hài, nhị bất hài, tình đoản tình trường, tích mãn hoài ! — Tam bất hài, tam bất hài, tư đào vô-tư, lệ mãn tai ! — Tứ bất hài, tứ bất hài, cựu sự tàn hoài, nan bài khai ! — Ngũ bất hài, ngũ bất hài, hận giảo ngân nha, bán tự ngai ! — Lục bất hài, lục bất hài, bán sát Vương-tôn, khứ bất lai ! — Thất bất hài, thất bất hài, biệt ru tương khuynh, nhật sắc oai ! — Bát bất hài, bát bất hài, tử ro hoàng toàn, phục chuyển lai ! — Cửu bất hài, cửu bất hài, sinh sinh triết phá phượng loan hài ! — Thập bất hài, thập bất hài, ai ai Thúy-Kiều nhi mệnh quai ! » Giải nghĩa tạm như sau này : « Một việc bất hài, một việc bất hài, lời thề chưa hết, nhiều cái bay lại ! — Hai việc bất hài, hai việc bất hài, tình ngắn tình dài, chứa đầy bụng ! — Ba việc bất hài, ba việc bất hài, nghĩ quá đến nỗi không nghĩ được nữa, thì nước mắt chảy đầy mang tai ! — Bốn việc bất hài, bốn việc bất hài, việc xưa, lòng nghĩ mới, khó đầy đi được ! — Năm việc bất hài, năm việc bất hài, giận nghiến hai hàm răng trắng tựa như người ngây ! — Sáu việc bất hài, sáu việc bất hài, oán đến chết, chàng Vương-tôn, sao đi chẳng lại ? — Bảy việc bất hài, bảy việc bất hài, rượu khác sắp nghiêng bầu, mặt trời đã xế ! — Tám việc bất hài, tám việc bất hài, chết đến suối vàng, lại giở ại ! — Chín việc bất hài, chín việc bất hài, đang sống cùng nhau, bị gẫy cánh, làm cho đôi lứa phượng loan dời ! — Mười việc bất hài, mười việc bất hài, thương hại thay cho vận mệnh Thúy-Kiều bị ngang trái ! »

Tấm son gột đến bao giờ cho phai !

Quan văn đường chép là « gột *nước* » ; quyển chú-thích và bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « gột *rửa* ».

Quạt nồng đắp lạnh, những ai đó giờ ?

Ông Vĩnh chép là « *ấp* lạnh ».

Sân *Lai cách mấy nắng mưa*

Quan văn đường và quyển chú-thích chép là « *Bồng lai* ».

Buồn trông cửa bể gần hôm.

Ông Vĩnh chép là « *chiều* hôm ».

Buồn trông cỏ nội *rầu rầu.*

Quan-văn-đường và bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « *nội cỏ* ».

Om-thòm *tiếng sóng kêu quanh* ghế *ngồi.*

Quan-văn-đường chép là : « *Ầm ầm* tiếng sóng kêu quanh *chỗ* ngồi ». Quyển chú thích cũng chép là : « *Ầm ầm* », nhưng ở dưới lại chép là *ghế* ngồi ».

Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu-lạc nên vài bốn câu.

Bài thơ chữ Hán chép trong *Kim Vân Kiều truyện chú*, tờ 76a như sau : « Nhập song tân thủy tầm khê hoa. Phụ-thảo đà-lam tứ vọng xa. Cận hải trảo thanh khư tọa thấp. Cách thành phàm ảnh phất lan tà. Phong phù xấu ngã khinh đăng các, Lãng trục chinh nhân đảo ấn sa. Vãng sự bất khan tần lệ lạc, Ẩu hương mạn chử vũ tiền trà ». Đại khái nghĩa là :« Vào cửa sổ thấy ngọn nước chảy, hoa trôi khe suối. Cỏ trên đồi đón hơi lam chướng xanh xanh, bốn mặt mông mênh. Gần bể, tiếng nước trào thổi vào chỗ ngồi ướt hết, Cách thành bóng cột buồm chiếu siên vào chỗ lan can. Gió đưa ta gầy yếu, nhè nhẹ lên gác. Sóng đuổi kẻ chinh nhân, làm lộn dấu chân trên bãi cát. Việc đã qua rồi không chịu nổi liền rỏ nước mắt. Cái bình thơm pha chè trước khi mưa ».

TÙY HỨNG

Trông giăng

Giời cao, đất rộng, mây thưa,
Lá reo lác-đác, gió đưa lạnh-lùng.
Mình ai vơ vẩn dòm song,
Phòng khuya, bóng chiếc, đèn chong, canh tàn.
Ngoài hiên rơi mảnh giăng vàng,
Yêu giăng, ôm cái mơ-màng thiên-thâu.
Giật mình nhớ mộng Phong-châu,
Chim sương cất tiếng kêu sầu giời đêm.

Bà MỘNG-SƠN

Sáng hôm lên núi

Kìa ánh bình-minh lấp-ló,
Rêu xanh nhuốm đỏ sườn non.
Ngựa hồng xuống dốc bon-bon,
Qua suối bạc, tung bọn vỏ !
Ta cùng nhau, ta giàn bước !
Dưới chân, cỏ lướt giạt-dào.
Ven chân, lau-lách xì-xào.
Ta cùng nhau, ta giậm ngọc !
Ta khoác tay nhau, ta hát !
Noi đường sáng mát lên cao !
Gió xuân tung cánh hoa đào,
Hồn lảo-đảo say hương ngát.
Hãy buông tay nhau. Ta chạy...
Phương đông lộng-lẫy tưng-bừng.
Chim bay, chim hót, về rừng.
Đỉnh núi chênh-vênh một dãy.

MINH-TUYỀN

Tần ngần đứng rủ rèm châu.
Cách tường *nghe có tiếng đâu họa vần.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là : « *Ngậm-ngùi* rủ *bức* rèm châu, Cách *lầu* nghe có tiếng đâu họa vần ». « Thúy Kiều đề xong bài thơ trên kia, trong lòng còn đương buồn rầu, chợt nghe cách lầu có người ngâm thơ, bèn lắng tai nghe ; người ấy ngâm bài thơ chữ Hán rằng « Lâu ngoại thủy gia thanh-mấn oa ? Trường ngâm thanh cách bích đào hoa. Sầu sâm bút để đê ngung yết, Oán hướng phong tiền khiến nhược ta. Viễn tiếp phương-hương sân điệp phấn, Cận thông u-ý hỷ song sa. Khanh tu liên ngã tài đa nghệ ! Ngã khước liên khanh vị phá qua ». Nghĩa là : « Người con gái đẹp của nhà ai ở ngoài lầu, hãy còn mái tóc xanh ? Tiếng ngâm thơ dài còn cách hoa đào biếc. Sầu thấm ngọn bút ngập-ngừng như nghẹn. Giọng oán theo trước gió kêu như than. Xa tiếp hương thơm, giận cho loài điệp phấn. Gần thông u-ý, mừng chốn song-sa. Người nên thương ta nhiều tài nghệ. Ta lại thương người chửa phá qua.» (*Kim Vân Kiều truyện chú*, tờ 76 b).

Hình-dong chải-chuốt, áo khăn gọn-gàng. Các bản chép là « áo khăn *dịu-dàng* ». Chữ *gọn-gàng* mới thuộc vào áo khăn, còn chữ *dịu-dàng* là thuộc về hình-dung.

Trông nàng, chàng cũng ra tình chơi-vơi

Các bản chép là « ra tình *đeo đai* »

Hoa sao hoa khéo đọa đầy bầy *hoa.?*

Quyển chú-thích chép là « *mấy* hoa ».

Quan-văn-đường chép là « *rã-rầy với* hoa».

Tức *gan riêng giận trời già.*

Quan-văn-đường chép là « *Xót* gan » ; quyển chú-thích viết là « *Ngã* gan ».

Song thu nửa *khép cánh ngoài.*

Các bản chép là « *đã* khép ».

Cảm lòng chua xót, lạt tình chơ-vơ.

Các bản chép là « *bơ-vơ* ».

Mảnh tiên kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.

Thúy Kiều đưa cho Sở-Khanh bức thư chữ Hán, xin giải nghĩa tạm ra đây : « Thúy-Kiều này là người bất-hạnh, xảy gặp gia-biến, phải đoạ lạc chốn yên-hoa, xót hồng nhan đòi lứa, thương bạc-mệnh vô-duyên. Tự nghĩ thiếp là một người đàn bà hèn trong đám phong trần, khó mong được người quân-tử thương đến, chẳng ngờ chàng là bậc cao-nhân lẫm-liệt, vì bọn quần thoa mà động lòng, miệng nói sổ lồng, tiếng kêu cứu khổ, lời nói lọt vào trong tai, tấm lòng khắc vào trong dạ ; vẫn muốn đến trước mặt chàng bày tỏ, nhưng không có kế gì. Mong chàng đem gan nghĩa-khí, mưu anh-hùng, để tìm kế lạ, cứu con rồng sông ra khỏi bể nghiệt. Lời thô-bỉ chốn bình-khang, tính khắc như năm, sớm được khắc nào, thì đội ơn khắc ấy : ơn đức của chàng là chí-nguyện của thiếp đó. » (*Kim Vân Kiều truyện chú*, quyển 2, tờ 2 a.).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-T

KHOA THI HƯƠNG NĂM TÂN MÃO

Tiên-Đàm NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

(Tiếp theo)

DƯỚI quyền hai quan ngự-sử có 8 viên đội thề sát và dưới quyền các quan trường có một số đông các lại-phòng giúp việc.

Khi các quan đã tiến trường rồi thì các cửa trường đều đóng chặt, canh phòng rất nghiêm-mật.

Quan Tổng-đốc Nam-định lúc ấy là Đô-huy-Điển đã phái một viên lãnh-binh đem lính tỉnh đi tuần quanh trường thi để phòng sự gian lậu.

Kể về sự phòng gian khi xưa cũng đã kỹ lắm, vì ngoài sự canh-phòng lại còn sự khám xét rất kỹ khi thí-sinh vào trường, thế mà các ông học trò khi xưa cũng cố nghĩ được cách thi gian.

Đại khái như chôn sách ở trong vi trước ngày thi, phất áo lều bằng giấy sao kinh nghĩa cũ rồi phất giấy cậy ra ngoài, lại trong một khoa thi về sau này, một ông ấm con quan tỉnh dám nghiêm nhiên mang cả sách vào trường vì ngày thường có lẽ cậu chỉ mải « chó san, gà chọi » nên đến lúc thi, không gì hơn là mang sách vào chép.

Ngày mồng một tháng mười là kỳ đệ nhất, từ nửa đêm, dưới ánh sáng các cây đình liệu cháy ngùn ngụt, các thí sinh đeo lều chõng, giỏ cơm, bầu nước, ống quyển vào trường đến các cửa vi nghe gọi tên lĩnh quyển để vào.

Khoa này đông quá, nên việc gọi học trò lắt đầu từ quá nửa đêm mãi đến sáng rõ mới vào hết.

Kỳ đệ nhất kinh nghĩa gồm có bảy đầu bài :

a) *Nhân dữ nghĩa :* Nhân và nghĩa, chữ trong sách Luận ngữ,

b) *Lục tam đức :* Chữ thiên Hồng-phạm trong kinh Thư, nghĩa là: *Lục* là trù-loại thứ sáu trong cửu trù là chín cái pháp độ của Cơ-tử nhà Ân bầy tỏ cùng vua Chu Võ-vương dùng để trị thiên-hạ. *Tam đức* là 1·) chính trực, 2·) cương khắc và 3·) nhu khắc.

c) *Tề tề đa sĩ :* Nghĩa là « nhan nhản nhiều kẻ sĩ », chữ trong kinh Thi.

d) *Trịnh-bá sai Uyển lai qui Phường :* Chữ ở Xuân-thu, nghĩa là năm Lỗ ẩn-công thứ 8, Trịnh-bá sai Uyển đến Lỗ đổi đất Phường cho nước Lỗ. Nguyên Phường là cái ấp của nước Trịnh dùng để tế-tự thần núi Thái-sơn do Chu Tuyên-vương ban cho ngày trước, sau Trịnh-Ba thấy đất Phường gần nước Lỗ mà ap hứa cua Lỗ gần nước Trịnh, nên Trịnh đem Phường mà đổi lấy Hứa-điền của Lỗ.

e) *Cố thiên-hạ quốc-gia khả đắc chi chính giã :* Chữ ở sách Trung-dung, nghĩa la : cho nên thiên-hạ và quốc-gia có thể chính-đang mà không sai lệch được.

f) *Tần thệ việt : nhược hữu nhất cá thần :* (Cũng có bản chép là « như hữu nhất giới thần ») Chữ ở thiên tần-thệ trong kinh Thư, nghĩa là : « Nếu có một người bầy tôi tốt kia, thế mà ông vua biết dùng người hiền ấy, thì có thể gây được cuộc thịnh trị trong nước.

g) *Dục vi thần tận thần đạo :* Chữ ở sách Mạnh-tử, nghĩa là muốn cho người làm tôi biết trọn bổn-phận làm tôi.

Kỳ đệ nhị là ngày 18 tháng mười, kỳ này thơ phú đầu bài như sau đây :

a) *Đình liệu quang thi — Thất ngôn — Đắc « đình » tự — (Bóng đuốc Đình liệu) Thơ thất ngôn vần « đình » :* Chữ trong chương thứ nhất thơ Đình-liệu ở Tiểu-Nhã, kinh Thi. Nguyên ngày xưa, khi nào trong nước có việc quan trọng thì đêm đến người ta đốt củi để soi sáng, gọi là đình-liệu, theo Chu-lễ thì cây đuốc giồng ở ngoài cổng gọi là đại-chúc, giồng ở trong cổng gọi là đình-liệu.

b) *Sạ hưu tự quân-tử phú ;* Chữ ở Luận-ngữ, nghĩa là : trong sự bản cũng có lối bản to ra dường như cách cư-xử của người quân-tử.

Kỳ đệ tam vào ngày 28 tháng mười. Kỳ này đầu bài văn sách rất dài (chúng tôi không sao được).

Kỳ phúc hạch vào ngày mồng sáu tháng một : thơ, phú, văn sách.

Đầu bài như sau đây:

a) *Kinh nghĩa* : *Sâm hồ ! ngô đạo nhất dĩ quán chi. Tăng-tử viết : dụ* : (Luận ngữ). Nghĩa là đức Khổng-tử nói : Ngươi Sâm (tên ông Tăng-tử)" kia ơi ! « Đạo của ta chỉ lấy một lý suy ra thì thông-suốt được cả ». Ông Tăng-tử thưa : « Dạ ».

b) *Phú : Long hổ bảng phú... « Đắc nhân » vi vận :* Chữ ở « Vấn-kỳ loại - lãm ». Lục Tuyên-công làm chủ khao khoa thi, lựa chọn được bọn Hàn-Dũ và Âu-dương Thiềm đều là những người anh-tuấn vĩ-kiệt trong thiên-hạ, nên người ta gọi là « Long hổ bang ».

c) Một đạo văn sách dài.

Ba kỳ nhất, nhị, tam trường mỗi kỳ làm văn xong đều có bảng yết ở các cửa vi tên những thí-sinh ở vi ấy được vào. Ai vào thì đầu trống canh năm hôm sau lại phải mang đủ lều, chõng, cơm, nước chực sẵn ở cửa trường nghe xướng đến tên lĩnh quyển vào vi làm văn.

Duy kỳ đệ tứ là phúc hạch thì số thí-sinh đã qua ba kỳ kia lọc đi, ai có « ưu bình » mới được vào, nên chỉ còn ít, khoa Tân-mão số thí - sinh được vào phúc hạch còn có 113 người.

Kỳ này các thí-sinh được đặc cách nộp lều chõng từ chiều hôm trước tại nhà quan-cư ở trước cửa trường.

Lều chõng do, lại-phòng và đội thề-sát ra thu lấy đề tên vào, rồi sáng hôm sau quan trường đã cho đóng sẵn ở các vi, trước mỗi lều có ghi tên thí-sinh vào cái biển bằng cót quét vôi trắng.

Khoa ấy trong bốn vi chỉ mỗi vi có độ 30 lều cách nhau rất xa, không ai hỏi han, bàn tán gì được. Khi các thí-sinh đã vào đủ, đầu bài cũng do đội thề-sát đưa đến tận lều cho, không ai được ra khỏi lều, nếu ai có ý muốn ra hay dòm sang lều bên kia là quan Ngự-sử ngồi trên chòi canh sai đội thề-sát gọi loa bắt phải ngồi yên ngay.

Đến mặt giời lặn phải nộp quyển hết.

Sau đấy các quan hội-đồng chấm đề lấy đỗ và xếp-đặt trên dưới làm bảng giải-ngạch.

Các thí-sinh được vào phúc hạch đều chứa-chan hi-vọng « mừng thầm mũ áo đến tay », cũng có người vì một vài câu văn không được như ý, về nhà trọ, cũng hơi buồn, nhưng ai đã lọt được phúc-hạch ít khi bị hỏng tuột, trừ ra kem lắm hay phạm trường qui thì mới hỏng.

Ngày 12 tháng một, xướng danh. Ngay từ mờ đất hôm ấy, cửa trường đã tấp nập nào bà con, anh em, bạn hữu, những người được vào phúc hạch, lại thêm người hàng xứ tò-mò các cô khuê nư, các cô bán hàng muốn xem mặt các nhà tân-khoa đều tề-tựu cả ở trước cửa trường.

Trong nhà Thập-đạo vừa rứt ba hồi chín tiếng trống, thì các quan trường, mũ áo tề-chỉnh dàn hầu ở tiền môn là cờ « Khâm-sai » phấp phới bên cạnh biển « Phụng chỉ » che hai lọng vàng. Các quan tĩnh tọa rồi, lại-phòng mang danh sách các tân khoa, liền đấy có viên đội thề-sát cầm loa gọi từng vị tân khoa một, nhưng gọi một cách chầm rai và từ tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã rồi mới đến tên, nên sự sốt ruột và mòng-mỏi của người đứng nghe lại càng tăng thêm.

Khi gọi đến ông cử thứ 60, trong đám đông có một thí-sinh nắm tay bạn đắc chí vì thấy xướng :

— Bắc-ninh tỉnh, Từ-sơn phủ, Tiên-du huyện...

Thí-sinh bảo bạn :

— Tỉnh Bắc chỉ còn có mấy anh em nhà tao, con anh nào nữa ?

Bất đồ, khi loa gọi đến :

— . . . Hoài-bão xã... Nguyễn-Nhạ (3).

Thì thí-sinh kia giật tay bạn một cái thật mạnh rồi lẩn vào đám đông người. Mãi về sau, anh em tìm mới thấy về nằm bẹp ở nhà trọ, không buồn ra xem bảng Tú-tài, vì ông bị đánh xuống hạng Tú-tài.

Nghe đàn sau khoa ấy, tuy ba anh em ông đỗ nhưng vì ông chán khoa-cử hay sao mà mang lều chõng ra đốt hết, rồi ông mất nát. Thìn, cái nợ bút nghiên giả chưa hết, cũng một mối hận nghìn thu của người thí sĩ !

(Xem tiếp trang 20)

CÁCH XẾP ĐẶT CHỮ NHO

TRONG TỰ-ĐIỂN

Số 8

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

TUY vậy, phép tứ-giác hiệu mã-cũng còn một vài chỗ chưa được hoàn toàn.

1·) Cách tứ-giác hiệu-mã không hợp với qui-tắc phân-loại. Phàm phân-loại nhiều vật, trước hết phải xem sét đến những tính-chất mà ai ai cũng nhận thấy ngay. Ví dụ chín chữ 相 林 柑, 朱 決 述 陳 隆 陸 với chín chữ 郤 邻 郘 郢 郢 郢 郢 公 衾 茲 không biết chữ nho, cũng thấy ba chữ đầu, nửa bên tả giống nhau chữ mộc 木, ba chữ thứ nhì nửa bên tả giống nhau ba chấm thủy 氵, ba chữ cuối cùng nửa bên tả giống nhau bộ phụ 阝. Còn chín chữ dưới, nếu không đọc qua phép tứ giác-hiệu-mã, thì giống nhau chỗ nào, ít người đã trông thấy. Có dùng qua tự-vị Vương-vân-Ngũ mới biết rằng ba chữ 郤 郁 郘 bốn góc giống nhau và cùng một số tứ-giác 4722-7; ba chữ 郢 郢 郢 bốn góc giống nhau và cùng một số tứ giác 8073-2; ba chữ 公 衾 bốn góc giống nhau và cùng một số tứ-giác 7722-7. So sánh hai chỗ giống nhau trên này, ta thấy bộ-chủ giống nhau một cách rõ-ràng hiển-hiện ngay ra trước mắt, còn tứ-giác thì giống nhau một cách tờ mờ và có phần gò-gẫm.

Muốn cho tứ-giác-hiệu-mã hợp với qui-tắc phân-loại, ta có thể đổi thứ-tự bốn góc, tùy theo hình dáng các bộ-thủ. Thí-dụ theo chiều kim đồng-hồ, và lấy góc thế nào cho các góc của bộ-thủ không có góc khác cách quãng. Muốn như thế, những chữ bộ tật 疒 phải bắt đầu lấy góc từ phía dưới bên tả trở lên rồi sang bên hữu: chữ bệnh 病 số tứ-giác (lối mới) = 1002. Những chữ bộ sước 辶 phải bắt đầu từ phía dưới bên hữu, theo chiều kim đồng-hồ sang bên tả rồi lên phía trên: chữ đạo 道 số tứ-giác (lối mới) = 3038. Phụ-giác những chữ phức-tự sẽ lấy góc cuối cùng của chữ ghép trong bộ (theo kim đồng-hồ chạy đến góc cuối cùng).

Phụ-giác chữ đạo 道 = 6
— id — bệnh 病 = 2

Lấy góc theo lối trên này. có thể xếp hết thảy các chữ bộ 疒 vào số 100x, hết thảy các chữ bộ 辶 vào số 303y (x và y thay cho con số góc thứ tư). Ví dụ: chữ giá 這 số tứ-giác = 3030 chữ bức số tứ-giác = 3031; chữ uy 逶 số tứ giác = 3032; chữ thuật số tứ giác = 3033, vân vân...

Nghĩa là nên giữ lại một số lớn trong 214 bộ-thủ Khang-Hy. Hai số hay ba số đầu dùng để biểu-hiệu cho bộ-thủ; số cuối cùng hoặc hai số cuối cùng dùng để phân-biệt những chữ cùng bộ. Ví-dụ: bộ sước 辶 = 303x bộ phụ 阝 (bên tả) = 27xy bộ tâm 忄 = 90xy bộ ấp 阝 (bên hữu) = 72xy.

Bao nhiêu chữ khó tìm, vì bộ-thủ không biết được rõ ràng, sẽ xếp vào một loại riêng (đơn-tự, xem đoạn tự-mô phân bộ) và lấy số tứ-giác theo bốn góc dấu tính nhân, 3 1 × 2 4 Ví-dụ chữ thành 成 số tứ giác = 3250.

Đoạn trên này, chẳng qua là cốt để phê-bình phép tứ-giác hiệu-mã. Thực ra, tôi không giám đụng-chạm gì đến cách phân-loại của Vương-tiên-sinh, vì tác-giả, trong cuốn Wong's system for arranging chinese characters đại-khái có nói:

« Người phát-minh ra phép tứ-giác hiệu-mã, không muốn giữ độc-quyền. Ai dùng cũng được, nhưng phải xin phép Vương-tiên-sinh trước. Không ai được « cốp » cách tứ-giác hiệu-mã rồi đổi đi ít nhiều; ai muốn cải-cách gì, phải « đệ » ý-kiến mình cho Vương-tiên-sinh xem trước. Ai dùng cách tứ-giác hiệu-mã cũng phải nói rõ ràng cách ấy do Vương-vân-Ngũ phát-minh ».

2·) *Có khi theo lệ-phụ mà không theo lệ chính:* Chữ tư số tứ-giác = 1762. Chữ này theo lệ phụ thứ nhì (nét 亅 dùng ba lần) không theo lệ chính thứ ba (một nét dùng một lần).

3·) *Có khi một chữ có thể theo hai lệ khác nhau.* Chữ xa 車 theo lệ chính thứ ba (số tứ-giác = 5000) cũng được, theo lệ phụ thứ ba (số tứ-giác = 4040) cũng được, vì mấy nét ngang chữ xa cũng bình-hành, parallèles, như mấy nét ngang chữ phi (1.111). Nếu bảo hai nét ngang chữ *xa* không độc lập, vì có xuyên qua nét sổ, thì nét thứ nhì chữ cân (dưới chữ đế 帝 = 0022 có độc-lập đâu mà theo lệ « bình-hành ». Lại như chữ nghiệp 業 hai nét sổ trên đi đều với nhau, hai chấm bên cạnh không có dính-dáng gì với nét khác, hai đàng cùng được cả, phải theo lệ độc-lập hay theo lệ bình-hành?

4·) *Có khi trong một chữ, hai nét cùng một trường-hợp, mà theo lệ khác nhau.* Ví-dụ chữ đạn 亂 nét độc-lập bên tả dùng một lần nên góc đầu là 2, góc thứ ba là zéro, nét độc lập bên hữu dùng 1 ai lần, nên góc thứ nhì là 2, góc thứ tư là 1. Nếu nét 乂 chia làm đôi được thì sao nét phẩy không chia ra làm đôi. Sao nét sổ chữ xa 車 không chia ra làm đôi và lấy số 5050 làm tứ-giác?

5·) Điều khuyết-điểm sau cùng là tứ-giác hiệu-mã không phân biệt được nhiều chữ. Ví dụ: Hơn 50 chữ thuộc bộ hành 行 trong tự-vị Khang-Hy, phải xếp chung một số tứ-giác, là 2122-0. Gần 50 chữ thuộc bộ Y 衣 trong Khang-Hy phải xếp chung một số tứ-giác, là 0073-2.

Lục-hoạch hiệu-mã kiểm-tự pháp.

Cách này do Sái-quan-Lạc phát-minh, và dùng tự-vị Trung-học-sinh từ-lâm, xuất-bản năm 1936, tại nhà in Thế-giới thư-cục. Các nét chia ra 10 hạng, đánh số từ 0 đến 9, theo như bảng sau này:

0	1	2	3	4
丶	乚	乂	乃	一
5	6	7	8	9
亅	丿	乛	乀	乁

Mỗi chữ có một số biểu-hiệu: 4 số chính thay cho bốn nét đầu hai số phụ thay cho hai nét cuối cùng. Chữ nào chưa tới 4 nét lấy zéro thay vào cho đủ. Ví dụ: chữ gia 家 số lục hoạch là. 0074-60

qua 戈	—id—	4506-06
trung 中	—id—	9100-91
nhất 一	—id—	4000-40
khẩu 口	—id—	9000-90

Chỗ bất tiện của lục-hoạch hiệu-mã.

Ít ra cũng phải biết viết những chữ mình muốn tra. Mà phải viết theo như tác-giả tự-điển. Tác-giả lấy câu: tòng thượng đáo hạ, tòng tả đáo hữu, làm nguyên-tắc, nhưng hai câu ấy không đủ giậy ta viết hán-tự. Có nhiều chữ cách viết trái hẳn: ví-dụ những chữ thuộc bộ sước: hai chấm trên bộ sước, tuy ở bên tả, nhưng phải viết sau nửa chữ ở bên hữu. Có chữ theo nguyên-tắc thượng-hạ tả-hữu không được: ví-dụ chữ mẫu hai 母 nét ngoặc, bị nét ngang chia ra làm đôi: một nửa ở trên, một nữa ở dưới, bảo ở trên nét ngang cũng không được, mà bảo ở dưới không được. Còn như hai nét chấm viết trước nét ngang tức là trái với lệ tiên thượng hậu ha, vì nét chấm thứ nhì ở dưới nét ngang đáng lẽ phải viết sau mới phải. Có khi hai nét cùng một vị trí trong khuôn chữ mà thứ tự viết lại khác nhau: ví dụ chữ cửu 九, nét phẩy viết trước, chữ lực 力 nét phẩy viết sau. Có chữ hình dáng tương tự, mà cách viết lại khác hẳn: ví dụ chữ đông 東 với chữ xa 車 nét sổ chữ đông phải viết trước nét phẩy và nét mác nét sổ chữ *xa* phải viết sau cùng. Chữ do 由 và chữ giáp 甲 nét sổ chữ giáp thấp nhất thì viết sau, nét sổ chữ *do* cao nhất lại không viết trước.

Những thí-dụ trên này đủ chứng minh rằng cách viết hán tự rất là phức-tạp không thể tóm tắt hết cả các qui tắc vào vài câu toát yếu được. Cách viết đã không được rành mạch, tác giả sách giậy chữ nho có khi cũng không đồng ý với nhau, người mới học bỡ ngỡ còn biết đường nào mà tra tự điển. Vậy lục hoạch hiệu mã, dựa vào các nét phân loại hán tự cũng không phải là một cách hoàn toàn.

(Còn nữa)

ĐÀO TRỌNG ĐỦ

Đón coi:

1) Bản dịch bài bia hồ Ba-bể (có in chữ nho để đối chiếu).

NHẬT-NHAM

2) Một phương-pháp trị lao mà người bịnh nào cũng phải biết.

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

3) Tư-mã-Thiên và bộ Sử-ký của sử-gia trứ danh ấy.

HOA-BANG

HẢI-ĐẢO LA RÉUNION

NHẬT-NHAM

CÁC nhà thám-hiểm về thế-kỷ thứ 17 mệnh-danh cho đảo La Réunion là hải-đảo Eden.

Tuy nhỏ hẹp (65 đến 85 cây số bề rộng), hải-đảo La Réunion phong-cảnh rất hữu-tình. Có nhiều núi cao đột-khởi (hơn 2000 thước tây), đủ giống thảo mộc cầm-thú, khí-hậu lại mát mẻ rễ chịu.

Miền duyên-hải có núi đá tích-lập không tiện cho việc giao-dịch, duy có vịnh Saint Paul là nơi hẹn hò của các thương-thuyền. Từ bờ bể đến chân núi miền trung-tâm, có một cánh đồng-bằng phì-nhiên giồng mía, cà phê, bông, vanille. Các thị trấn rải rác khắp nơi, rữa một bức tranh sơn-thủy mãn họa.

Chính các thủy-thủ Bồ-Đào-Nha đã khám-phá ra cù-lao La Réunion cùng với quần-đảo Mascareignes (Maurice và Rodrigne) trước nam 1528. Trước khi rời các đảo ấy đi nơi khác, họ để lại trên bộ một ít lợn và dê.

Rồi trong hơn một thế-kỷ, hải-đảo La Réunion không có người di-cư đến ở. Các nhà thám-hiểm, bắt đầu từ Vasco de Gama, tìm đường sang Ấn-Độ là nơi sản xuất rất nhiều hồ-tiêu. Họ qua kênh Mozambique, rồi theo luồng nước bể, tới Zanzibar, đợi có gió mùa để đưa thuyền họ chạy sang thương-khẩu Calicut. Một sự tình-cờ đã đưa nhà thám-hiểm Mascarenhas qua phía đông đảo Madagascar. Rồi từ đó, hải-cảng Bouchon là nơi lưu-trú của tất cả các tàu bè qua lại.

Có nhiều thủy-thủ lên bộ tạm trú ít lâu, vì khí-hậu trên đảo mát mẻ có thể đem lại sức khỏe cho các bệnh-nhân. Năm 1613, tướng giặc bể người Anh Castlon, rồi đến người Bồ-Đào-Nha, người Hà Lan, đã từng kế tiếp nhau qua một thời-kỳ trên đảo. Các nhà du-lịch ấy, vì không có ủy-nhiệm riêng của Chính-Phủ họ, nên không có quyền chiếm-cứ đảo mãi đến Juin năm 1688, quân-đội của Hoàng-Đế Louis XIII nước Pháp đáp chiến thuyền Saint Alexis cập bến, đem khí-giới cắm lên một thân cây.

Một hội buôn được thủ tướng Richelieu đặc ân cho lập các thương-cục tại đảo Madagascar và các đảo lân-cận, bèn cử Jacques de Pronis sang Madagascar. Pronis sau khi tới Madagascar tổ-chức ngay thương cảng Fort Dauphin. Bạn tùy-tòng làm phản, bắt giam Pronis một nơi, sau nhờ có một phái-bộ nữa sang, nên Pronis được thoát-ly. Pronis nghĩ ngay đến việc phát-lưu 12 chính-phạm sang đảo La Réunion thời ấy là đảo Mascareigne.

Sau ba năm lưu-trú trên đảo La Réunion, các tù-phạm ấy được trở lại Madagascar, mạnh mẽ vô sự, và trình bầy tình-hình cùng cảnh-vật đảo La Réunion với viên chủ tỉnh Fort Dauphin là De Fiacourt.

De Fiacourt cho phép 7 kiều-dân ở Fort Dauphin sang vùng Saint Paul đảo La Réunion để giồng thuốc lá, có Antoine Couillard hướng-dẫn và có 6 người lính thổ-dân hộ-vệ. Năm 1662, người Pháp Louis Payen đem theo một người da trắng, 10 người lính thổ-dân, 7 người da đen đàn ông và 3 người da đen đàn bà, đáp tầu sang đảo La Réunion, nhưng vừa lên bộ, bọn hắc-nô đã chạy chốn vào các rừng núi, sau thành thủy-tổ thổ-dân ngày nay.

Miền duyên-hải rất tiện cho việc di-dân, nên có nhiều thị trấn đông vui lập ngay trên cửa các sông, tiện cho sự giao-dịch. Còn những núi miền trung-tâm là nơi cư trú của dân da đen.

Các kiều-dân rất chăm cầy cấy giồng giọt và nuôi lợn, nuôi bò, nuôi dê. Công ty thương mại Ấn Độ coi cù lao La Réunion như một thuộc địa riêng của mình để ký các hàng hóa từ Ấn Độ đem lại vì sợ đem nhiều hóa phẩm về Pháp sẽ làm giảm giá các hóa giá. Các thương thuyền qua lại đều lưu trú tại bến La Réunion để lấy rau và các súc vật đủ ăn giọc đường. Vì vậy mà công ty khuyến khích dân đảo giồng rau và ngũ cốc cùng nuôi lợn, dê, bò là những gia súc sản xuất rất nhiều trên đảo.

Tuy vậy, công ty mua một giá dẻ các thổ sản của đảo mà trái lại bán rất đắt các thứ nhập cảng vào đảo. Muốn cho dân chúng phải buộc lòng dùng giầy dép, một viên thống đốc đã nghĩ được một cách khôn khéo là đem giồng các giây leo có gai bò trên mặt đất, khiến dân cư không thể đi chân không trên bộ được nữa.

Chính-Phủ không được lòng quần chúng, nên dân cư tìm hết cách để được xa các nhà chức trách. Khi viên Thông Đốc lưu nhậm tại Saint-Paul thì họ di cư đến Sainte Suzanne. Khi viên Thông Đốc đóng ở Saint Denis giữa hai tỉnh ấy, để tiện giám sát tình hình chính-trị trong xứ, thì những kẻ bất phục tụ tập cả ở Saint-Paul hay qua xuống Nam ở tỉnh Saint Gilles.

Dần dần quyền hạn các viên Thông-Đốc bành chướng, việc di dân lại chán xuống miền Nam, xa kinh-thành và bao chùm cả vùng rừng núi để riêng cho loài cầm thú sinh sản. Tỉnh Saint Pierre thành lập sau cùng là một tỉnh đã từng dung nạp các phản-động.

Khi nào bị quyền-lực Chính-phủ áp-bách, các tay phản động chốn vào rừng núi ẩn náu, cho đến khi một viên Thống Đốc tới nhậm; ra lệnh ân xá cho người đến với, họ mới chịu tòng phục.

Đã một lần, một viên Thống-Đốc vì cương quyết và khắc-nghiệt, phải rời ghế Thống-đốc xuống tầu về Pháp, trước sự đe dọa và uy-hiếp của bọn phản động.

Tuy vậy, ngoài những sự bất hòa dữa các viên Thống-Đốc và dân chúng, ảnh-hưởng cuộc cách mệnh Pháp không làm cho đảo La Réunion mất trật-tự, nên không có những sự sô-sát, những vụ lưu huyết như tại chính-quốc.

Theo lệnh nội-các Pháp, hội-nghị đảo cấm việc mãi-nô và đồng-ý với dân-chúng, để nguyên việc nô-lệ.

Dân đảo su-hướng về việc lập một dân-quốc, nên một cuộc cách-mệnh sắp xuất-hiện có thể gây nên nhiều vụ lưu-huyết, nhưng sau dàn-xếp song một cách hòa bình.

Từ đó đảo La Réunion mỗi ngày một mở mang, dân-cư được hưởng cuộc thái-bình.

Thời kỳ đệ-nhị Chính-phủ dân-quốc, một phái-viên được cử sang đảo La Réunion để thi-hành sắc lệnh 20 Octobre 1948 giả phóng cho thổ dân bị nô lệ — Viên Thống-Đốc Sarde garrida thi-hành chính-sách ấy không gặp một trở lực gì — Nền kinh-tế ngày một mở mang, khiến đảo La Réuuion ngày nay chiếm một địa-vị quan trọng trong lịch sử văn chương khoa học và mỹ thuật nước Pháp.

Trên một tấm đá hoa dựng tại tỉnh Saint Denis, có ghi tên các vị đã có công trong việc sây đắp nền-tảng đảo La Réunion như các ông de Faray, Bertin, La Caussade, Leconte de Lisle, Dieu Dayot, Edouard Hervé, Joseph Bédier, Marius Ary Leblond, Ozoux và nhiều danh nhân khác Roland Garros và Đề-Đốc Lacore đã từng hi-sinh cho đảo và tổ quốc.

Từ lâu đảo La Réunion vẫn riêng hưởng cuộc thái-bình thì gần đây, ngọn lửa chiến tranh lan đến theo cuộc sau tấn công của Anh-Mỹ vào đảo Madagascar.

Hội đồng thành phố Saint Denis tỏ lòng trung-thành với Chính-phủ Pháp, hết sức ủng hộ viên Thông-Đốc Pierre Aubert để giữ nguyên bờ cõi.

Tất cả đảo họa theo nhời gọi của Chính-quốc đã quyên 11 triệu quan vào quỹ cứu-tế quốc gia, các viên chức vui lòng bỏ ra một ngày lương và học sinh các trường để tiền mua đồ chơi Noël giúp vào công cuộc cứu-tế. Lòng trung-thành của dân chúng đối với Chính-quốc thực là sốt sắng. Nhưng đảo nhỏ, lực-lượng phòng thủ không đủ phấn đấu với một sức tấn-công mạnh hơn, nên cuộc kháng chiến của quân đội Pháp trên đảo La Réunion không thể kéo giài được lâu mà hồi 8 giờ 45 phút sáng 29 Novembre 1942, hai bên đã đình chiến.

NHẬT NHAM

Báo nghỉ 1 kỳ trước và 1 kỳ sau số tết,

Theo lệnh Phòng Tuyên-truyền và Báo-chí phủ Thống sứ và vì tiết kiệm giấy nên báo chí nào ra số đặc-san về tết phải bớt số và bớt trang.

Số đặc-san Tri-Tân về Tết sẽ giầy gấp đôi và in nhiều hơn số thường, bản chí bắt buộc phải nghỉ hai kỳ (1 kỳ trước và một kỳ sau số tết) và sau số tết ấy in:

Một số 16 trang.

Mong rằng độc-giả thân yêu chiếu tình thể tất cho.

T. T.

MỘT DANH SĨ XƯA

chia hồi truyện Kiều và phê-bình nàng Kiều thế nào ?

Số 3

SONG-CỐI

HỒI XVIII

Gươm Thúy-Kiều giết kẻ làm bậy,
Vàng Từ-Hải tặng người có ơn.

Bao nhiêu những khối u-uất của nàng Kiều dồn chất bấy lâu, nay nhờ Từ Minh-Sơn (Từ-Hải) mới được tiêu-tan hết cả. Dẫu vậy, không nên giết Mã Giám-sinh, mà cũng không nên đánh đòn chị Hoạn. Sao vậy ? Đương lúc biến cố gấp rút, nàng Kiều không gặp chàng Kim, giá thử Giám-sinh bỏn-sẻn tiền cưới thì cốt nhục nhà Vương sao được vẹn tuyền ? Trong khi tử sinh khốn-đốn, nàng Kiều đã không hề nhờ cậy vào Thúc-sinh, giá thử Hoạn-thư không cho nàng ra khỏi gác kinh, thì sau này bởi đâu mà được phú-quí ? Vậy những việc giết Giám và đánh Hoạn ấy đều do Kiều quá giận mà không kịp nghĩ kỹ (1).

HỒI XIX

Đem thân về với... Từ-Hải thiệt đời !
Đứt ruột còn gì ! Thúy-Kiều nhẹ kiếp.

Từ-Hải riêng một biên-thùy, há hay chống được cái thế toàn-thịnh của nhà Minh ? Nàng Kiều bày mưu vì nước, vì nhà không phải không có kiến thức.

Nhưng nhà binh nếu biết biến trá thì đàn bà đâu dễ liệu trước được cơ-mưu ? Từ-Hải sao lại nhẹ dạ nghe theo lời nàng mà vội gác việc quân - cơ ra ngoài bụng ! Thế thì chàng Từ cũng chỉ là một kẻ dũng-phu biết « mài một lưỡi gươm » mà thôi, còn trách Kiều nỗi gì ?

Cái chết của Từ-Hải chính là dịp để cho nàng Kiều mau hết kiếp phong-trần và sớm chắp tơ duyên tái-hợp đó thôi. Há chẳng phải là lòng Tạo-hóa xui-khiến ?

HỒI XX

Kim-Trọng đau thương, chiêu hồn người sống.
Thúy-Kiều mừng rỡ, chắp mối tình xưa.

Thúy-Kiều không chết ở lúc Từ-Hải tử trận, lại không chết ở lúc Tòn-Hiến an mừng : người sau thường cho thế là đáng giận.

Còn tôi (lời danh-sĩ xưa) tôi cho rằng Thúy Kiều có tiết-tháo, không phải là người không dám chết. Nhưng lần trước chết không được, là vì khó tránh mấy phen trong kiếp phong trần ; chuyến sau chết không được, là vì còn đợi cái duyên tái hợp sau này. Thúy-Kiều là người hiếu nghĩa, nửa đời đã phải chịu uổng kiếp đoạn-trường oan-nghiệt, há nên không để cho nàng sau này được đẹp mối tơ duyên ? Đó là cái ý sâu sắc của Tạo hóa ngầm-ngầm chủ trương ở trong, không thể lấy sức người mà bàn được. Đọc truyện đến đây, mới biết lòng Trời vẫn tựa người lành.

Sau khi đã giới thiệu với các bạn hết 20 hồi truyện Kiều chữ do một danh-sĩ xưa đã chia tách và phê-bình như thế, tôi xin thêm rằng : bản 20 hồi truyện Kiều ấy là một bản sách viết tay do bạn Bạch-Diện cho mượn.

Tôi e cuốn sách chữ hán này trải qua tam sao thất bản, không khỏi có chỗ sai-xuyễn. Vậy mong các bạn chỉ giáo cho nếu thấy chỗ nào khuyết điểm.

(*Hết*) S. C.

---

(1) **Lời tục bình của người sau** : *Mã Giám-sinh mượn tiếng lấy vợ lẽ, giết sống một đời con gái lương-gia ; thế thì giết Mã là phải lắm. Hoạn-thư ngầm làm thành-tựu cái lỗi của Ưng, Khuyển và Kế-thị : đã đành đáng giết. Nhưng gỡ nàng Kiều ra khỏi vòng ả-hoàn, mở lồng thả chim, thì tội ấy lại nên khoan - thứ. Cân-nhắc ở giữa khoảng nên giết và nên thứ, thì việc phạt trượng Hoạn-thư thật là vừa phải. Thế là nàng Kiều đã nghĩ kỹ và không lầm.*

Phụ chú : *Bài « chia hồi truyện Kiều » ở T. T. số 78 trước : Hồi XIII có ba lời bình : Từ câu « Thúy-Kiều từ khi trải nhiều gian nan...» đến «...mối oan nghiệt sau này » là lời bình cổ ; còn hai đoạn dưới đó là hai lời tục bình của người sau. Hồi XV có hai lời bình : Lời bình cổ từ câu « Giảo-hiệt thay Hoạn-thư...» đến «.. há chẳng kiệt hiệt lắm nhỉ ». Còn dưới đó là lời tục bình của người sau.*

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 47

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

3. — Vũ-duy-Thiện, người xã Yên-cự, huyện Thiên-bản, phủ Kiến-hưng, tỉnh Sơn-nam, đỗ đệ nhị giáp đến-sĩ xuất-thân khoa mậu-tuất, năm 1478, hiệu Hồng-đức thứ chín, vời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497). Lại đỗ khoa hoành-từ. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến hiến-sát-sứ, tào hầu tòa Kinh-diên. Được phong tước Chưởng-sơn-tử (chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 23a, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 100 a).

4. — Nghiêm-Lâm, người xã La-phù, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, tỉnh Sơn-nam. Đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 23 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 21b).

5. — Nguyễn-sĩ-Nguyên, người xã Ông-mặc, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Năm hai mươi tám tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thượng-bảo tự-khanh, lục cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 23a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 27b).

6. — Hoàng-đức-Lương, người xã Ngọ-kiều, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Nguyên-quán xã Cửu-cao. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Dần dần làm quan đến chức tham-nghị, hộ-bộ tả-thị-lang. Mùa đông năm đinh-mùi 1487 sung chức phó-sứ sang nhà Minh tạ về việc vua Tàu tặng lụa mùi. Rất thích nghề thơ, bắt chước lối Đường-thi, van chương thanh-nhã, tình-cảnh kiêm-đáo. Từng chép những thơ của các bậc danh-gia về đời Trần và đầu triều Lê, được mười lăm quyển, gọi là *Trích diễm tập*. Có nam bài thơ cổ-thể và hai-mươi bài thơ cận-thể còn chép trong *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn, quyển 14, tờ 1a-4b. Làm quan đến Hộ-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80a; *Đại Nam nhất thống chí*, soạn đời Tự-đức, bản sao của Bác-cổ, số A 69, quyển Bac-ninh tờ 33a).

7. — Ngô-sỏ-Ngọc, người làng Văn-xá, huyện Thiện-tài, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến thừa-chính-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 121b).

8. — Ninh-Cang (có âm nữa là khang, hoặc Hàng), người xã Lan-đình, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Nhà ở xã Đồng-ngọ. Năm bốn mươi hai tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến hiến sát sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 56 b).

9. — Nguyễn-Giản, người xa Đông-khối, huyện Gia-định, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến Công-bộ tả-thị lang *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 110b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 23a, chép ông Nguyễn Giản là con ông Nguyễn-cư-Đạo, làm quan đến Công-bộ hữu-thị-lang *Đại Nam nhất thống chí*, quyển Bắc-ninh, tờ 31b chép ông làm quan đến Binh-bộ thượng-thư, hữu-thị-lang).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

HỘI TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGỮ

Khóa học thứ chín của Hội khai giảng từ ngày 14 tháng Septembre 1942 đến thượng tuần tháng Janvier 1943 sẽ mãn khóa. Khóa này Hội đã mở được 23 khu trường, có 200 nam nữ giáo-viên dạy không, giúp Hội. Riêng khóa học này. Hội đã dạy được 3.200 người nghèo biết đọc và biết viết thông thạo chữ Quốc-ngữ. Hội có dự định tổ chức buổi phát thưởng long trọng cho học trò vào ngày chủ nhật 17 Janvier 1943. Hiện Hội đã nhận được ít sách-vở, giấy bút của các nhà hảo-tâm gửi đến cho Hội, để phát thưởng cho học trò nghèo.

Chi nhánh Hội ở Haiphong đã mở khóa học thứ hai và có tất cả 2.134 học trò. Chi nhánh Bắc-ninh đã mở khóa học thứ nhất có 360 học-trò.

Hội đang tiến hành lập chi nhánh ở Phủ-lý, Nam-định và mở các lớp học ở Gia-lâm và Đáp-cầu

H. T. B. Q. N. lai-cảo

DU-KÝ

ĐỀN KIẾP BẠC

NGUYỄN DUY-TINH

CHIỀU thứ bảy, 26-9-1942, tức là ngày 17 tháng tám ta, chúng tôi cùng bạn đam người đi chiêm-bái một vị anh-hùng xưa đã hiển thanh ở đền Kiếp-bạc thuộc huyện Chí-linh tỉnh Hải-dương.

Nhân dịp giang thu, giời im, sóng lặng, chúng tôi đi theo giòng sông Lục-đầu-giang, con sông có dấu vết trên lịch-sử, để thưởng cái thú thiên-nhiên.

Xuống ga Hải-dương đã trông thấy một số đông gánh gói đi lễ. Càng tiến về phía đò Hàn thì số thiện nam tín nữ càng thấy đông hơn.

Đáng lẽ đi xe ban ngày mà đi ngay từ đò Hàn cho đến bến Lấu, nhưng làm trái ngược lại, chúng tôi đợi đến 7 giờ đêm mới bắt đầu đi bộ ngang qua cánh đồng xanh — phần nhiều ruộng mới cấy, lúa đang xanh tốt — dưới ánh trang thu sáng nhạt.

Đi tới bến Lấu, chúng tôi thuê thuyền đi Kiếp-bạc. Ngày hội có khác, đáng lẽ 0$80, thế mà chúng tôi phải giả tới 2$00 mới thuê được chiếc thuyền con...

Chèo một quãng thuyền đi đã tới ngã ba sông, tức là quãng đầu của Lục-đầu-giang mà chúng tôi muốn nhìn tận nơi và ngắm cho thực kỹ.

Thuyền dừng-đỉnh, gió thoảng qua, giang vàng vặc sáng, nước cuồn cuộn trôi, anh em mấy người ngồi trên mui thuyền mà ngắm non sông từ phía, tự nhiên nhớ đến đoạn sử cũ mà bồi hồi khôn nói...

Vào quãng 12 giờ đêm thì tới Kiếp-bạc. Độ hai cây số trước khi tới bến đã trông thấy trên đường dưới sông, đèn sáng như sao ; cờ cắm la-liệt chạy một quãng dài làm cho cảnh trí lại tang thêm đẹp.

Thuyền khách đông quá, nên thuyền chúng tôi phải đỗ xa bến chừng một cây số.

Đi dọc đường, thấy quán hàng san-sát bán đủ mọi thứ vật-dụng, chúng tôi tưởng như là một ngày hội chợ. Mà thực thế, vào quãng 12 giờ đêm, một chú khách già ở Moncay ăn mặc sạch-sẽ lom-khom đứng với bộ mặt tư-lự ở trong ngôi hàng bày rạt đồ sứ chói lọi dưới ánh trăng dịu-dàng.

Đi hết phố tân-tạo ấy thì vào tới đền.

Ngoài đền có bức tường xây rất tráng lệ : có 3 cửa, một cửa chính và hai cửa tả hữu.

Trên cửa chính có đề năm chữ « Trần Hưng - Đạo Vương từ » và hai bên dưới có đôi câu đối :

Vạn-kiếp hữu sơn giai kiếm khí.
Lục-đầu vô thủy bất thu thanh.

Dịch :

Vạn-kiếp núi non hơi kiếm tỏa.
Lục-đầu sông nước tiếng thu reo.

Mấy chữ « hơi kiếm » và « tiếng thu » tả rõ được sự chinh phạt và thế trận hùng vĩ ở đời Trần.

Ai ra vào lễ bái đều phải đi hai cửa tả hữu, không được đi cửa chính.

Qua cửa, đến một cái sân rất rộng, thì chao ôi ! trống đánh ý-ỏm. Đó là biểu-hiệu của những đám bắt ma.

Chúng tôi nhận thấy đám nào cũng có một khổ chủ bị ma làm, vài người nhà ngồi chung quanh và một hai ông thầy cúng làm lễ bắt ma. Muốn bắt ma, họ bảo khổ chủ đội cái khăn đen lên đầu, họ khấn xong thì tay đập roi, mồm đọc câu sai, đợi mãi cho ma nhập vào người mà đầu phải đảo lác la lác lư. Khi ma đã ám rồi thì họ nói ngọt dỗ ma cho nó xưng tên tuổi và bày tỏ ý muốn của nó.

Có một đám đến năm con ma là năm người đàn bà cùng đội khăn đen cùng cúi đầu che mặt. Dưới ánh trăng lờ mờ, bên gốc cây um tùm, trông vào đám đàn bà làm trò cho con ma, thật có vẻ ghê gớm mà buồn cười !

Đi khỏi sân, vào trong đền thì miếu mạo lộng lẫy, khói hương nghi ngút, hoành phi câu đối cùng đồ tự-khí làm cho nơi thờ-cúng nổi vẻ rất mục oai nghiêm.

Khách thập phương xôi gà, oản quả đến cúng lễ rất đông làm cho trong cung chật ních những người là người.

Chúng tôi muốn đứng trước hương án để làm lễ nhưng không có chỗ len chân, đành phải đứng xa mà bái vọng.

Sở dĩ chúng tôi đi đền Kiếp-bạc là vì sùng bái một vị anh hùng

xưa đã làm vẻ vang cho non sông đất nước.

Trong đền hoành phi câu đối rất nhiều, có bốn chữ « trung quan nhật nguyệt » (lòng trung suốt mặt giời mặt giăng) làm cho anh em cam kích vô cùng.

Bốn chữ « dữ thiên vô cục » nghĩa là « cùng giời không cùng » to cho thiên hạ hiểu thấu tấm lòng cung kính của người Việt-nam đối với một vị anh hùng cứu quốc đã hiển thánh.

Người Nam vốn có tâm lý sùng bái anh hùng, nhưng ta nên tổ-chức thế nào cho tấm lòng ấy không sai lạc không thiên về con đường mê tín mới được.

Công nghiệp của đức Thánh, sử sách chép đã nhiều, nhưng ba mươi sáu chữ sau đây, viết ở cổng giữa cũng mô tả ít nhiều :

Gia hiếu tử, quốc trung thần, công liệt chiếu đan thanh, ninh chỉ lưỡng hồi an xã tắc.

Văn kinh thiên, vũ bát loạn, anh linh tham khí hóa, thượng lưu chung cổ điện sơn hà.

Dịch :

Làm con thảo, làm tôi ngay, công lớn chói sử xanh, há chỉ hai lần yên xã tắc ?

Nào văn hay, nào vũ giỏi, khí thiêng trùm cõi tục, vẫn còn muôn thủa giúp sơn hà.

Đứng ở sân đền nhìn ra cổng chính giữa, thấy năm chữ « vạn cổ thử giang sơn » ta nhớ ngay đến bài thơ rất hùng của ông Trần Quang Khải, một vị thượng tướng ở đời Trần :

Đoạt sóc Chương-dương độ,
Cầm Hồ Hàm-tử quan.
Thái-bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.

Dịch :

Cướp giáo bến Chương-dương,
Bắt Hồ cửa Hàm-tử.
Thái bình, gắng sức lên !
Non nước vẫn muôn thủa.

Địa thế Kiếp-bạc nổi tiếng là đẹp, và hấp dẫn được nhiều người say mê thưởng ngoạn là vì ở đây sơn thủy khác thường.

Trước cửa đền Lục-đầu-giang chầu vào, nước chảy cuồn cuộn, sóng vỗ ầm ầm. Đôi bên có hai ngọn núi Nam-tào Bắc-đẩu ôm lại, đúng như hình cái ngai thờ.

Chúng tôi sang chơi bên Bắc-đẩu, thì « ngôi sao » này cũng như ở dưới trần-gian : ở đây có chùa, có phật, có cúng vái cầu khẩn.

Nam-tào thì có vẻ đặc sắc hơn. Mới đi đến cổng chùa Nam-tào đã trông bao-quát được cả bốn mặt : nào đền, nào lăng, nào bãi Kiếm rơi (Tương truyền rằng : ngày xưa đức Thánh giết Phạm-Nhan xong, vứt kiếm xuống sông mà nó nổi thành bãi. Sự thực hư, xin nhường các bạn phán-đoán. Nhưng có một điều biết chắc là bãi ấy trông thực giống cái kiếm). Lại trông thấy cả miếu Phạm Nhan là nơi đánh dấu võ công oanh-liệt của đời Trần.

Anh em vào chùa Nam-tào để chiêm bái thì ngay bên đường, có nhiều hàng bán hòn son, đá mài, vàng sống. Chúng tôi thiết nghĩ : ở đám hội chợ kia, hàng bày đủ thứ, nhưng vật dụng tầm-thường cả ; duy ở chốn « đế-đình » này (Nam-tào), khách tiên có bán son, vàng, đá, âu cũng duyên may, chúng tôi mua lấy một ít để làm kỷ-niệm. Đi lễ một vị « cái thế anh-hùng » thì son, vàng, đá có nhiều ý-nghĩa.

Vào trong chùa, lại mua được một gói thuốc nam làm bằng các thứ lá ở núi Nam-tào và lĩnh được quyển kinh cứu khổ, có dịch ra quốc-ngữ.

Thuốc tiên ở cõi Nam-tào
Với kinh cứu-khổ, biết bao công trình !

Như trên đã nói, đứng ở Nam-tào trông thấy làng, thế mà trước khi ấy, lúc còn ở trong đền, chúng tôi đi hỏi thăm mãi, chẳng ai biết cả. Tại sao thế ? Nguyên lăng ấy xây như ngôi nhà để nghỉ mát, không có chút nào là vẻ cái mồ, cái lang ; chung quanh có cây to, ở giữa có bàn thờ.

Trước cửa lăng có chữ đại tự : « Lạc viên son thượng từ » (Đền trên núi Lạc-viên).

Nhớ lại trong sử chép ngài táng ở vườn An-lạc bấy giờ mới biết chính đây là cái lăng thánh.

Khi chúng tôi tới lăng, việc đầu tiên là đi tìm xem có bia nào và bia ấy nói gì không, nhưng tìm mãi chẳng thấy đâu cả.

Ở lăng có viết một đôi câu đối để tả cái công nghiệp và thanh danh danh của đức Thánh như sau này :

Thượng-phụ oai danh kinh bắc tái.
Trùng-hưng huân nghiệp quán Đông-a.

Dịch :

Tiếng oai Thượng-phụ lừng bên Bắc.
Công lớn Trùng-hưng nhất họ Trần.

Ở lăng ra, anh em xuống thuyền, trở về bến cũ thì quang cảnh ấy thực là :

Hành hương đông thật là đông.
Người đi chen gót, thuyền sông đua chèo.

Lá cờ phấp phới đuôi nheo
Gió bay xột soạt, tiếng reo anh hùng!

Xét kỹ ra, những người vì ý nghĩa sùng bái anh hùng mà đi lễ thì ít, còn như vì cầu phúc lộc mà đi lễ thì nhiều, nên đối với việc này, chúng tôi muốn bày tỏ một vài ý kiến :

1·) Nên nhân ngày hội mà tổ chức ngay ở đền Kiếp-bạc vài buổi diễn thuyết kể rõ lịch-sử và sự-nghiệp đức Thánh Trần. Bài hịch của ngài truyền cho tướng tá, cũng nên đọc cho công-chúng nghe, vì bài ấy là một áng văn kiệt-tác.

2·) Nên dành riêng cho thiện nam tín nữ một chỗ bắt ma, khỏi làm giảm vẻ nghiêm trang ở nơi thờ-tự.

3·) Nên săn sóc ráo riết về sự gìn giữ đường xá và quán trọ, cho được sạch-sẽ hợp phép vệ-sinh.

Nói tóm lại, đối với việc sùng bái anh hùng, chúng ta có trách nhiệm phải tổ chức một cách chu-đáo, để cho thập phương hiểu cái ý-nghĩa sâu xa của ngày hội, bớt lòng mê tín đi, mà giữ được cái tinh thần chân-chính trong việc kỷ-niệm « người lịch-sử ».

NGUYỄN-DUY-TINH

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có
Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả Các bài văn khấn
Khoản thức biên gia phả
Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyển này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào
Cử nhân
Dương Bá-Trạc *soạn*

Giá 0$40 — Cước 0$10
gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông HANOI

Khoa thi hương năm Tân-mão

(Tiếp theo trang 11)

Lại có một ông vì bốn khoa trước cứ hỏng đệ nhất mãi, kỳ này vào thông cả bốn trường, ngày xướng danh cũng đi nghe bảng, nhưng vẫn nơm nớp không dám đến gần, khi nghe viên đội thề-sát gọi đến tên ba lần, ú-ớ, không « dạ » được vì cảm-động và sướng quá, chỉ biết cầm cả nón và áo tung lên giời, phải có anh em « dạ » hộ rồi lại chen chỗ vào nhà Thập-đạo đứng sắp hàng với các ông tân-khoa khác.

Giải ngạch cử-nhân khoa Tân-mão định lấy là 50 người, nghĩa là 25 thí-sinh trường Hà, 25 thí-sinh trường Nam, nhưng vì có ân-điển gia thêm 15 người nữa và sau khi quyển đã đệ bộ rồi, bộ duyệt quyển tâu lên có năm quyển văn-lý có thể cho vào hạng cử-nhân là quyển của các ông :

Đỗ-Đại, Vũ thiện-Đễ, Nguyễn duy-Nhiếp, Vũ tiến-Cơ, Nguyễn văn-Thụy (4) ở bảng tú-tài được lấy thiêm thủ cử-nhân.

Cộng khoa ấy tất cả được 70 cử-nhân.

Giải ngạch tú-tài thì cứ một cử-nhân, ba tú-tài, khoa Tân-mão có tất cả 195 tú-tài.

Người đỗ đầu khoa Tân-mão, hay theo lối gọi ở trường thi ông thủ-khoa hay giải-nguyên, là ông Đặng trần-Vỹ, người làng Trung-tựu, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-nội, năm ấy mới 27 tuổi.

Kỳ đệ nhất, đệ nhị, điểm bài được bình, đệ tam ưu, phúc hạch : bình.

Theo quốc-triều hương khoa lục, quyển bốn (sách in của trường Bác cổ, số sách A, 36) : ông là con cụ Đặng Trần Hanh, cháu cụ Đặng Trần Quang, một nhà cha, con, chú, cháu đều đăng khoa.

Xét gia-phả của họ Đặng, thì ông là dòng-dõi quan Tán-lý Đặng Trần Thường đời Gia-long.

Xét bia Văn-miếu (Những ông Nghè Triều Lê — của ông Ứng-Hòe Nguyễn-Văn-Tố trong Tạp-chí Tri-Tân số 63 ngày 9 đến 15 Septembre 1942), họ Đặng-Trần nguyên xưa vốn họ Trần.

(Còn nữa)

Tiên-Đàm *NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG*

(3) Ông Nguyễn-Nhạ là cháu sáu đời ông Trạng-nguyên Nguyễn-đăng-Đạo tức là cụ Trạng Bịu.

(4) Ông Đỗ-Đại người làng Đại-mão, Bắc-ninh, làm đến giáo thụ.

Ông Vũ-Thiện-Đễ người làng Bách-tính Nam định, đỗ phó bảng, làm đến tuần-phủ.

Ông Nguyễn-Duy-Nhiếp người làng Kim-lũ, tỉnh Hanoi, con giai quan Văn-minh Nguyễn-Trọng-Hợp, làm đến Án-sát.

Ông Vũ-tiến-Cơ, người làng Trực-nội, Thái-bình.

Ông Nguyễn-văn-Thụy người làng Viên-quang, Hưng yên.

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 13

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỜ
HUYÊN 暄 Lê xuân		Quảng bình, Lệ thủy	T	5	38a	
HUYÊN » Nguyễn đức		Bình định, Phù cat	S	12	9a	
HUYÊN » Nguyễn tấn		Quảng nghĩa, Chương [nghĩa	S	6	17a	
HUYÊN 諠 Phan văn		không rõ	S	17	5b	tử trậu tại Đồng môn [Biên hòa
HUYỀN 絢 Nguyễn hữu		Thừa thiên, Hải lăng	S	26	9b	
HUỲNH 黃 Nguyễn		Quảng trị, Thuận xương	N	27	8a	
HÙNG 雄 Cao đức		An giang, An xuyên	S	15	9b	nay là Nha mân
HÙNG » Nguyễn đình		Thanh hóa	T	3	4b	
HÙNG » Nguyễn văn		Quảng bình, Phong lộc	N	38	7a	
HÙNG » Phan bá		Nghệ an, Đông thành	N	17	23a	
HÙNG » Trương phúc		Thanh hóa, Qui huyện	T	4	16a	
HUỐNG 貺 Mạc cảnh		Hải dương, Nghi dương	T	3	8b	
HƯNG 興 Phạm đăng	tự Hiệt củ	Gia định, Tân hòa	S	5	7a	nay là Gò công
HƯƠNG 香 Mai công		không rõ	T	5	33b	miếu thờ tại Nhựt [ninh, Tân an
HƯƠNG » Nguyễn		Bình thuận	T	6	21b	
HƯƠNG » Nguyễn văn		Biên hòa, Phước chánh	S	9	10b	
HƯƠNG » Phạm chi	tự Sĩ nam	Hải-dương, Đường-an	N	29	23b	
HƯƠNG » Phạm văn		Quảng nam, Duy xuyên	S	14	11a	
HỰU 祐 Đỗ văn		Thừa thiên, Hương thủy	S	8	30b	
HỰU » Ngô hữu		Gia định, Bình dương	S	9	8a	nay là vùng Saigon
HỰU » Nguyễn đăng		Bình thuận, Hòa da	S	12	5a	
HỰU » Nguyễn văn		Vĩnh long, Tân minh	S	15	22a	nay là cù lao Minh [Bến tre
HỰU » Nguyễn vĩnh		Gia định, Bình dương	S	15	22a	nay là vùng Saigon
_120						
Y						
Ý 懿 Phạm	sơ danh Văn tường	Thừa thiên, Quảng điền	N	35	21b	
Ỷ 倚 Nguyễn thị		Sơn tây, Sơn vi	S	29	12a	
YẾN 燕 Phan thị		Hà tịnh, La sơn	N	44	14b	
_3						
K						
KẾ 繼 Bùi công	cũng gọi Nguyễn Kế	Thanh hóa, Qui huyện	T	4	26a	
KẾ » Đỗ thiện		Thanh hóa, Vĩnh lộc	N	29	6a	
KẾ 計 Nguyễn kỳ		Quảng bình, Lệ thủy	S	10	14a	
KỲ 琦 Bùi duy	Tự Thượng hàn	Nam định, Vũ tiên	N	31	14b	nay thuộc Thái bình
KỶ 紀 Nguyễn thọ		Bắc ninh, Đông ngạn	N	40	19b	
KỶ » Nguyễn văn		An giang, Vĩnh an	S	14	18a	nay là Sa đéc
KIÊM 謙 Phan huy	tự Kỷ chi	Thanh hóa, Ngọc sơn	N	36	2a	
KIỀM 兼 Ông ích						coi chữ KHIÊM
KIỀM » Trương phước		Gia định	S	13	18a	
KIỀM 檢 Lê qui	tự Bá tu	Thanh hóa, Hoằng hóa	N	42	3b	
KIÊN 堅 Nguyễn khoa	hựu danh Triệu	Thừa thiên, Hương trà	T	5	21a	

1) T : Tiền biên, S : Sơ tập, N : Nhị tập.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HÔI LONG TRÌ

Số 6

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

— Nay phương Nam đã yên, việc binh nên nghỉ. Ta đã sai quan tham tri Lê quý Đôn vào chỉnh đốn việc cai trị. Việp quận công cũng sắp kéo quân về Bắc. Vậy ngươi cũng không cần vào Nam nữa. Hiện kinh đô đang khuyết một chân hộ thành binh mã sứ để giữ gìn việc trị an. Ta muốn bổ ngươi vào chức ấy. Ngươi nghĩ sao ?

— Tâu chúa thượng, tiểu tướng có phải đi thú nơi ma thiêng nước độc cũng không quản ngại, huống chi là nhận chức trọng ấy. Chỉ hiềm tiểu tướng còn trẻ tuổi, sợ phụ lòng ủy thác của vương gia.

— Không sao. Ta chỉ cần người được việc.

— Tâu chúa thượng, kinh kỳ ba mươi sáu phố phường, người đông, việc lắm, nhỡ phạm vào những nhà quyền quý, tiểu tướng có thể thi hành phép nước không ? Tiểu tướng thiết nghĩ : muốn cho dân gian được yên nghiệp làm ăn, thì những sự nhũng lạm, những kẻ lông quyền hiếp chế, tất phải nghiêm trị...

— Đó là công việc chính đáng. Ta cho ngươi quyền ấy. Ngày mai ta sẽ tâu Thiên tử phong chức cho. Nhưng nghĩ ngươi bốn năm chinh chiến, gian lao vất vả đã nhiều, ta muốn cho ngươi nghỉ ít lâu để về quê thăm nhà. Ta nghe nói ngươi còn mẹ già, để vương lấy hiếu trị thiên hạ, ta không nỡ để ngươi phải nhãng đạo thần hôn. Vậy ta cho ngươi nghỉ một tháng để về sum họp gia đình, rồi sẽ nhậm chức cũng không muộn.

— Tâu chúa thượng, tiểu tướng là một kẻ bất tài, mà chúa thượng quá ân cần, thực là muôn vàn cảm khích.

Chúa truyền nội giám đem ra một cái khay, cầm lấy một cái gói đỏ, sai đưa cho Nguyễn Mại và phán :

— Ta ban cho ngươi một lạng quế Thanh, Quế này rất tốt, ngươi đem về làm quà cho mẹ già.

Nguyễn Mại quỳ rạp đầu xuống đất, lĩnh lấy gói quế, nước mắt giàn giụa, và tâu rằng :

— Mẹ tiểu tướng không ngờ lại được cái vinh dự chúa ban quà, tiểu tướng run sợ, xin thay nhời mẹ, bái tạ vương gia và chúc ngôi chúa muôn đời.

Chúa gật đầu nói :

— Thôi được cho ngươi lui.

Nguyễn Mại ở trong phủ chúa đi ra, như tỉnh như mê, máu lộng một nguồn vui sướng. Trời thu đẹp đẽ, ánh vàng rọi xuống những mái lầu đài và dinh thự. Và đàn chim liệng trên vòm trời xanh ngát, nhàn hạ trong buổi thanh bình.

Cảnh vật như đón mừng người tráng sĩ. Chàng thu trong bọc gói quà qui giá, và làm bầm : « Mẹ ơi ! Vinh hạnh biết bao ! Thực bõ suốt một đời lao lực !... » Trước mặt chàng, là hình ảnh thân yêu của bà mẹ già đầu bạc, hiện ra giữa khung cổng lợp rơm cả cái bóng của người vợ hiền và đứa con trai...

Chợt có tiếng gọi khiến cho chàng choàng tỉnh mộng. Bọn Bảo Kim đã quây quần lấy chàng hỏi chuyện. Chàng thuật lại cảnh vừa qua. Bọn Bảo Kim nhảy lên vì vui sướng.

Đỗ Tuấn Giao nói :

— Anh làm cho tôi sợ hết hồn ! Lúc Bảo Kim đến gọi và báo tin anh bị triệu vào phủ chúa, tôi rụng rời, chắc là chỉ vì việc thằng chó đểu họ Đặng, ai ngờ sự thể lại xoay ra thế được, chúa thực là một bực thánh minh.

Trần Thành nói :

— Ngài không có bệnh tửu sắc, thì thiên hạ còn lo gì mà không thịnh trị ?

Hoàng đình Nghiêm nói :

— Thấy Bảo Kim tái xanh tái tía nói chuyện về anh, tôi đã đoán già rằng không phải vì việc cậu Trời. Chả nghe đồn chúa vẫn mong xem mặt anh Mại đấy ư ?

Đỗ tuấn Giao nói nữa :

— Phải, thực là tay cao kiến !

Đình Nghiêm cãi :

— Chả không biết. Hỏi Bảo Kim xem có phải thế không ?

Bảo Kim vừa cười vừa nói :

— Quả có thế.

Hoàng đình Nghiêm nói thêm :

— Thôi, đừng chuyện phiếm nữa. Nay anh Nguyễn Mại đã làm cho anh em chúng ta, nhất là cho cụ bà lo sốt vó, thì anh ấy phải tính sao cái chỗ ấy chứ ? Tôi nghĩ thế này, anh em xem có ổn không. Không gì bằng anh Mại đến bọn mình một bữa chén. Nhân tiện chúng mình mừng anh ấy một thể. Bây giờ còn anh em, ít nữa chúng mình thuộc quyền hắn, nhất tự cách trùng, lúc ấy đòi hắn đến, lại không chết đòn sao ?

Cả bọn đồng thanh cho là phải. Nguyễn Mại nhìn các bạn một cách âu yếm. Họ lưu luyến chàng biết bao ! Trong lúc ấy, chàng cam thay cái thú nồng nàn của tình bằng hữu. Chàng nói :

— Vậy thì ta đi đánh chén. Tôi cũng có ý ấy. Trong khi chinh chiến, thỉnh thoảng tôi uống rượu,

nhưng chỉ uống cho hăng, chứ không phải cho vui. Vả uống một mình thì chán lắm. Uống rượu với các bạn mới là thần tiên. Đã lâu ta không có thú ấy, nay ta lại hưởng cái thú ấy. Và mấy khi chúng ta được đông đủ như thế này. Cũng phải có lúc ta vong tình trong chén rượu chứ ?

Cả bọn nói :

— Phải lắm ! Không ngờ nhà võ tướng còn nhớ cả thơ Lý Bạch nữa.

Bảo Kim nói :

— Anh em hãy để cho tôi nói. Mẫu thân tôi lo cho anh Mại quá, cứ giục tôi đi xem sự thế ra sao, lại nói : Nếu anh Mại không việc gì thì ta sửa một tiệc mừng anh ấy. Ý mẫu thân tôi là thế, xin các anh cứ cho thế cho tiện. Nguyễn Mại nói :

— Không có lý lại để cho cụ mừng tôi.

Trần Thành nói :

— Không nên câu chấp. Ý cụ đã ân cần với anh, anh không nên phụ. Bây giờ hãy về để cụ mừng cho anh đã, bữa khác anh thết chúng tôi cũng được.

Cả bọn đều cho là phải. Tới nhà Bảo Kim, đã thấy Nguyễn phu nhân đứng chờ ngoài cổng. Nguyễn Mại bước rảo tới, quỳ xuống lậy phu nhân và thưa :

— Cháu để bác lo phiền, thực là đắc tội.

Phu nhân nâng chàng giậy :

Bác lo cho cháu quá ! Chúa triệu vào có việc gì thế ?

Rồi phu nhân bảo con dẫn mọi người vào trong nhà khách. Nguyễn Mại thuật lại đầu đuôi câu chuyện cho phu nhân, rồi tiếp :

— Cháu đội ơn chúa ban quà cho mẹ cháu. Trộm nghĩ bác cũng như mẹ, vậy cháu xin biếu bác một nửa thanh quế này, để tỏ chút lòng kính ái.

Phu nhân nhất định từ chối, Nguyễn Mại nài thế nào cũng không được.

Một bữa tiệc lớn đã dọn ở Hoa đình. Phu nhân không dự, để cho lũ trẻ được tự do, theo thói quen của phu nhân.

Rượu đã ngà ngà say, họ làm thơ tặng Nguyễn Mại. Bảo Kim vẫy bút làm một bài Hoa đình ký, để ghi buổi trùng phùng. Sau khi kể công nghiệp Nguyễn Mại, chàng tán dương tình bằng hữu, rồi tả bữa tiệc ở đình Hoa, lời văn tao nhã, ý tứ thiết tha, cử tọa đều phục là một trang tuyệt diệu

Nguyễn Mại rốc cạn một chén, đứng lên nói :

— Anh em thực là ân cần với tôi, tôi cảm kích lắm. Thơ phú không phải là nghề của tôi, đã lâu tôi bỏ từ chương. Muốn đáp lại tấm thịnh của các bạn, tôi xin chín nể đường văn. Nhưng về đường kiếm, tôi cũng có chút thông thạo, chi bằng tôi múa vài bài kiếm, vừa để ta anh em, vừa để mua vui cho bữa tiệc, anh em nghĩ sao ?

Cử tọa nhao nhao tán thành. Nguyễn Mại đứng lên vớ lấy thanh kiếm mà chàng đã treo trên tường trước khi vào tiệc, tuốt kiếm ra, lưỡi kiếm sáng như đèn. Mại nói :

— Đây là một bảo kiếm. Kiếm này nguyên của chúa Nguyễn ban cho Nguyễn hữu Dật khi xưa. Viên quân công ngày vào thành Phú xuân, bắt được kiếm này, ban cho tôi để thưởng công. Tôi xin đem một vài miếng ra mắt anh em.

Chàng ngâm mấy câu lục bát :

Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài yên :
Từ gia lĩnh kiếm lên yên.
Sa trường đem lại một thiên anh hùng.

Bọn Bảo Kim vỗ tay khen. Bảo Kim nói :

— Anh thực là bậc phong lưu võ tướng.

Nguyễn Mại đã bước xuống thềm, ra giữa sân, trong chớp mắt chàng đã mờ trong bóng kiếm, chung quanh chàng tưởng như tuyết rụng hoa bay. Bọn Bảo Kim chăm chú nhìn, ngẩy như phỗng. Một lúc lâu, Nguyễn Mại múa xong, chàng bước lên thềm, ung dung như không nhọc mệt gì cả. Chàng tươi cười hỏi :

— Các chú nghĩ sao ? Múa thế có được không ?

Trần Thành nói :

— Tuyệt diệu !

Nguyễn Mại nói :

— Hỏi một anh thư sinh về đường kiếm của mình, thực là gàn quá !

Cả bọn nói :

— Chúng tôi sẽ đầu bút sự nhung yên như anh cả. Xem anh múa kiếm mà thèm.

Nguyễn Mại treo kiếm, lại ngồi vào bàn tiệc. Khi tiệc gần tàn, Hoàng đình Nghiễm bỗng hỏi :

— Sau khi về thăm nhà, anh ra nhậm chức. Vậy anh đã có ý kiến gì chưa ? Hộ thành là một chức trọng. Sự trị an ở chốn kinh kỳ là ở trong tay anh cả.

Lưu sĩ Trực nói :

— Mấy lão già giữ chức ấy, bênh dân thì ít, mà hại dân thì nhiều. Họ sợ bọn quyền quý như hùm. Anh là ông quan hộ thành trẻ tuổi nhất từ xưa đến giờ, anh có can đảm vì dân trừ hại không ?

Nguyễn Mại nói :

— Sao lại không ? Đó là ý nguyện của tôi.

Lưu sĩ Trực hỏi :

— Nhỡ gặp cậu Trời ?

— Thằng ấy à ? Không gặp nó tôi cũng cố gặp nó cho bằng được. Tôi đã quyết giết nó rồi, không dong thứ được.

— Đừng ! Trêu vào nó thì không những chức hộ thành mất mà đầu anh cũng mất !

— Có hề gì ? Tôi đã coi thường cái chết.

Bảo Kim nói :

— Nếu thế thì tôi lo cho anh lắm.

— Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả, thấy nó ngang ngược mà dong tùng, vì nể Tuyên phi, thì mình cũng có tội như nó còn gì ?

Tiệc đã tàn. Họ cùng ngồi nói chuyện. Và sáu bảy thanh niên kia đều khuyên Nguyễn Mại không nên bạo động, nhất là không nên phạm tới cậu Trời. Chàng lắc đầu khó đồng ý...

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

25-12-42 có bán

NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ BÌNH

Nguyễn Du

VA

Truyện Kiều

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến về Nguyễn Du và truyện Kiều của các nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ (Lập trai, Nguyễn công Trứ, Tản Đà, Yên Đỗ, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Khoáng, Đào duy Anh, Hoài Thanh...)

Sách dày 350 trang — Giá 3$50

Có in nhiều bản giấy đẹp hảo hạng giá từ 12$ đến 50$; ai muốn mua hỏi :

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Phap

1p.00 một vé

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư của Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p. 25
2) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 1p. 50
3) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3p. 50
4) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim, 0p. 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐAO SÔNG *sách thường 2$00* *sách đẹp 4$00*

« J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ses doctrines. Je vous le lis... »

P. DELSALLE

Résident Supérieur au TONKIN

Những sách như sách Đao Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

sách thường 1$50 *sách đẹp 3$00*

A la fois sinologue et artiste, Ng. x. Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émus des résultats de son enquête sur l'évolution d'un art quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

...La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyen-văn-Tố

THI THOẠI

Dày non 800 trang giá 2p.

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê-van-Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

Đã xuất - bản quyển I

Giá bán : 0$80

15 Décembre sẽ ra quyển II

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước 0$30 cho Nhà xuất - bản TÂN - DÂN

93, Rue du Coton, Hanoi

Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

Directeur : Nguyễn-Tường-Phương Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán

Imp. Tri-Tân — 70, Bach-Mai Hanoi